長Trường 壽Thọ 滅Diệt 罪Tội 護Hộ 諸Chư 童Đồng 子Tử 陀Đà 羅La 尼Ni 經Kinh   
Kinh Trường Thọ Diệt Tội và Thần Chú Bảo Hộ Các Em Bé  
  
如như 是thị 我ngã 聞văn 。   
TÔI NGHE NHƯ VẦY:  
  
一nhất 時thời 佛Phật 在tại 王Vương 舍Xá 城Thành 。 耆Kỳ 闍Xà 崛Quật 山Sơn 中trung 。 與dữ 大đại 比Bỉ 丘Khâu 眾chúng 。 千thiên 二nhị 百bách 五ngũ 十thập 人nhân 俱câu 。 諸chư 大đại 菩Bồ 薩Tát 。 萬vạn 二nhị 千thiên 人nhân 俱câu 。 及cập 諸chư 天thiên 龍long 八bát 部bộ 鬼quỷ 神thần 。 人nhân 非phi 人nhân 等đẳng 。 共cộng 會hội 說thuyết 法Pháp 。   
Một thuở nọ, Đức Phật ở trên núi Thứu Phong gần thành Vương Xá, cùng với 1.250 vị đại Khất Sĩ, 12.000 vị đại Bồ-tát, chư thiên long bát bộ quỷ thần, người và phi nhân đồng đến hội họp để nghe Phật thuyết Pháp.  
  
爾nhĩ 時thời 世Thế 尊Tôn 。 於ư 其kỳ 面diện 門môn 。 以dĩ 佛Phật 神thần 力lực 。 放phóng 種chủng 種chủng 光quang 。 其kỳ光quang 五ngũ 色sắc 。 青thanh 黃hoàng 赤xích 白bạch 。 一nhất 色sắc 之chi 中trung 。 有hữu 無vô 量lượng 化hóa 佛Phật 。 能năng 作tác 佛Phật 事sự 。 不bất 可khả 思tư 議nghị 。 一nhất 一nhất 化hóa 佛Phật 。 有hữu 無vô 量lượng 化hóa 菩Bồ 薩Tát 。 讚tán 頌tụng 佛Phật 德đức 。   
Lúc bấy giờ Thế Tôn dùng thần lực và từ khuôn mặt, Ngài phóng ra muôn loại tia sáng với nhiều màu sắc, như là xanh, vàng, đỏ, trắng và những màu sắc khác. Trong mỗi màu sắc có vô lượng hóa Phật. Mỗi hóa Phật có thể làm Phật sự chẳng thể nghĩ bàn. Mỗi hóa Phật lại có vô lượng hóa Bồ-tát đang tán dương công đức của Phật.  
  
其kỳ 光quang 微vi 妙diệu 。 難nan 可khả 測trắc 量lượng 。 上thượng 至chí 非Phi 非Phi 想Tưởng 天Thiên 。 下hạ 至chí 阿A 鼻Tị地Địa 獄Ngục 。 徧biến 帀táp 八bát 萬vạn 。 無vô 不bất 普phổ 照chiếu 。 其kỳ 中trung 眾chúng 生sinh 。 遇ngộ 佛Phật 光quang者giả 。 自tự 然nhiên 念niệm 佛Phật 。 皆giai 得đắc 初Sơ 地Địa 方Phương 便Tiện 三Tam 昧Muội 。   
Các tia sáng ấy rất vi diệu và nhiều chẳng kể xiết. Chúng lượn quanh 80.000 vòng và chiếu sáng khắp nơi, trên lên đến Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, dưới đến tận Địa ngục Vô Gián, không chỗ nào là chẳng rọi tới. Khi các chúng sinh ở trong đó thấy được ánh hào quang của Phật, họ tự nhiên niệm Phật và đều đắc Sơ Địa Phương Tiện Chính Định.

爾nhĩ 時thời 眾chúng 中trung 。 有hữu 新tân 發phát 意ý 菩Bồ 薩Tát 。 四tứ 十thập 九cửu 人nhân 。 各các 欲dục 從tùng 佛Phật。 求cầu 長trường 壽thọ 命mạng 。 無vô 能năng 發phát 問vấn 。   
Lúc bấy giờ trong đại chúng có 49 vị sơ phát tâm Bồ-tát. Ai ai cũng muốn hỏi Đức Phật làm sao để sống lâu, nhưng họ đều chẳng biết phải hỏi như thế nào.  
  
時thời 文Văn 殊Thù 師Sư 利Lợi 菩Bồ 薩Tát 。 知tri 有hữu 所sở 疑nghi 。 從tùng 座tòa 而nhi 起khởi 。 偏thiên 袒đản 右hữu 肩kiên。 合hợp 掌chưởng 向hướng 佛Phật 。 而nhi 白bạch 佛Phật 言ngôn 。   
Khi ấy Diệu Cát Tường Bồ-tát biết họ có điều nghi vấn, nên ngài từ chỗ ngồi đứng dậy, vén áo lộ vai phải, chắp tay và hướng về Đức Phật, rồi bạch Phật rằng:  
  
世Thế 尊Tôn 。 我ngã 見kiến 眾chúng 中trung 。 有hữu 所sở 疑nghi 者giả 。 今kim 欲dục 諮tư 問vấn 。 唯duy 願nguyện 如Như來Lai 。 聽thính 我ngã 所sở 說thuyết 。   
"Bạch Thế Tôn! Con thấy một số vị trong đại chúng đây có điều nghi vấn muốn hỏi, nhưng họ đều chẳng biết phải hỏi như thế nào. Thế nên, bây giờ con muốn thay họ để thưa hỏi. Kính mong Như Lai cho phép con nói."  
  
佛Phật 言ngôn 。   
Đức Phật bảo:  
  
善thiện 哉tai 善thiện 哉tai 。 文Văn 殊Thù 師Sư 利Lợi 。 汝nhữ 有hữu 所sở 疑nghi 。 當đương 恣tứ 汝nhữ 問vấn 。   
"Lành thay, lành thay, Diệu Cát Tường! Ông có điều nghi vấn. Ông hãy cứ hỏi."  
  
文Văn 殊Thù 師Sư 利Lợi 言ngôn 。   
Ngài Diệu Cát Tường bạch rằng:  
  
世Thế 尊Tôn 。 一nhất 切thiết 眾chúng 生sinh 。 於ư 生sinh 死tử 海hải 。 造tạo 諸chư 惡ác 業nghiệp 。 從tùng 劫kiếp 至chí 劫kiếp 。 輪luân 迴hồi 六lục 道đạo 。 縱túng 得đắc 人nhân 身thân 。 得đắc 短đoản 命mạng 報báo 。   
"Bạch Thế Tôn! Tất cả chúng sinh ở trong biển sinh tử, họ gây tạo các nghiệp ác. Từ kiếp này đến kiếp khác, họ luân hồi trong sáu đường. Dẫu cho được thân người nhưng do quả báo nên mạng sống ngắn ngủi.  
  
云vân 何hà 令linh 其kỳ 。 得đắc 壽thọ 命mạng 長trường 。 滅diệt 諸chư 惡ác 業nghiệp 。 唯duy 願nguyện 世Thế 尊Tôn 。 說thuyết 長trường 壽thọ 法pháp 。   
Họ phải làm thế nào mới có thể diệt trừ các nghiệp ác và được sống lâu? Ngưỡng mong Thế Tôn giảng dạy phương pháp để được trường thọ."  
  
佛Phật 言ngôn 。   
Đức Phật bảo:  
  
文Văn 殊Thù 。 汝nhữ 大đại 慈từ 無vô 量lượng 。 愍mẫn 念niệm 罪tội 苦khổ 眾chúng 生sinh 。 能năng 問vấn 斯tư 事sự 。 我ngã若nhược 具cụ 說thuyết 。 一nhất 切thiết 眾chúng 生sinh 。 無vô 能năng 信tín 受thọ 。   
"Này Diệu Cát Tường! Lòng đại từ của ông thật vô lượng. Ông vì thương xót chúng sinh tội khổ nên mới hỏi việc ấy. Nếu Ta thuyết giảng tường tận thì hết thảy chúng sinh đều không thể tín thọ."  
  
文Văn 殊Thù 師Sư 利Lợi 。 重trùng 白bạch 佛Phật 言ngôn 。   
Ngài Diệu Cát Tường lại bạch Phật rằng:  
  
世Thế 尊Tôn 。 一Nhất 切Thiết 種Chủng 智Trí 。 天thiên 人nhân 之chi 師sư 。 普phổ 覆phú 眾chúng 生sinh 。 是thị 大đại 慈từ 父phụ 。 一nhất 音âm 演diễn 說thuyết 。 為vi 大đại 法Pháp 王Vương 。 唯duy 願nguyện 世Thế 尊Tôn 。 哀ai 愍mẫn 廣quảng 說thuyết 。   
"Bạch Thế Tôn! Ngài có Nhất Thiết Chủng Trí, là thầy của trời người, là cha lành của tất cả chúng sinh. Ngài làm bậc đại Pháp Vương và có thể diễn nói hết thảy diệu Pháp với chỉ một âm thanh. Kính mong Thế Tôn hãy thương xót chúng sinh mà rộng thuyết giảng Pháp này."

佛Phật 便tiện 微vi 笑tiếu 。 普phổ 告cáo 大đại 眾chúng 。   
Khi ấy Đức Phật liền mỉm cười và bảo toàn thể đại chúng:  
  
汝nhữ 等đẳng 諦đế 聽thính 。 當đương 為vì 汝nhữ 說thuyết 。   
"Các ông hãy lắng nghe. Ta sẽ phân biệt và giảng giải cho các ông.  
  
過quá 去khứ 世thế 時thời 。 有hữu 世thế 界giới 。 名danh 無Vô 垢Cấu 清Thanh 淨Tịnh 。 其kỳ 土độ 有hữu 佛Phật 。 號hiệu 普Phổ 光Quang 正Chính 見Kiến 如Như 來Lai 。 應Ứng 供Cúng 。 正Chính 徧Biến 知Tri 。 明Minh 行Hạnh 足Túc 。 善Thiện 逝Thệ 。 世Thế 間Gian 解Giải 。 無Vô 上Thượng 士Sĩ 。 調Điều 御Ngự 丈Trượng 夫Phu 。 天Thiên 人Nhân 師Sư 。 佛Phật 。 世Thế 尊Tôn。 為vi 無vô 量lượng 無vô 邊biên 。 菩Bồ 薩Tát 大đại 眾chúng 。 恭cung 敬kính 圍vi 繞nhiễu 。   
Vào thuở quá khứ có một thế giới tên là Thanh Tịnh Vô Cấu. Trong cõi nước ấy có Đức Phật, hiệu là Phổ Quang Chính Kiến Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Đức Phật ấy có vô biên chư Bồ-tát đại chúng cung kính vây quanh.  
  
其kỳ 佛Phật 法Pháp 中trung 。 有hữu 一nhất 優Ưu 婆Bà 夷Di 。 名danh 曰viết 顛Điên 倒Đảo 。 聞văn 佛Phật 出xuất 世thế 。 求cầu 欲dục 出xuất 家gia 。   
Trong giáo Pháp của Đức Phật đó có một Thanh Tín Nữ tên là Điên Đảo. Khi biết Phật đã xuất hiện ở thế gian, nàng đến chỗ của Phật và xin muốn xuất gia.  
  
悲bi 號hào 嗁đề 哭khốc 。 白bạch 彼bỉ 佛Phật 言ngôn 。   
Khi ấy người nữ Điên Đảo khóc lóc thảm thiết rồi thưa với Đức Phật kia rằng:  
  
世Thế 尊Tôn 。 我ngã 有hữu 惡ác 業nghiệp 。 求cầu 欲dục 懺sám 悔hối 。 唯duy 願nguyện 世Thế 尊Tôn 。 聽thính 我ngã 具cụ說thuyết 。   
'Thưa Thế Tôn! Con đã trót tạo nghiệp ác. Con nay muốn cầu xin sám hối. Kính mong Thế Tôn hãy nghe con kể rõ sự tình.  
  
我ngã 於ư 昔tích 時thời 。 身thân 懷hoài 胎thai 孕dựng 。 足túc 滿mãn 八bát 月nguyệt 。 為vì 家gia 法pháp 故cố 。 不bất 貪tham 兒nhi 息tức 。 遂toại 服phục 毒độc 藥dược 。 殺sát 子tử 傷thương 胎thai 。 唯duy 生sinh 死tử 兒nhi 。 人nhân 形hình 具cụ足túc 。   
Xưa kia con từng có mang và thai nhi đã tròn tám tháng tuổi. Do vì gia pháp nên con không thể có con cái. Thế là con uống thuốc độc để phá thai. Bào thai do con phá khi ấy đã đầy đủ hình người.  
  
曾tằng 聞văn 智trí 人nhân 。 來lai 謂vị 我ngã 言ngôn 。   
Sau đó, con gặp một người trí và vị ấy đã bảo con rằng:  
  
若nhược 固cố 傷thương 胎thai 。 此thử 人nhân 現hiện 世thế 。 得đắc 重trọng 病bệnh 報báo 。 壽thọ 命mạng 短đoản 薄bạc 。 墮đọa 阿A 鼻Tị 獄Ngục 。 受thọ 大đại 苦khổ 惱não 。   
"Nếu ai cố ý phá thai thì hiện đời người này sẽ bị quả báo bệnh nặng và thêm thọ mạng ngắn ngủi. Còn lúc chết thì sẽ đọa Địa ngục Vô Gián để chịu đau đớn khôn xiết."  
  
我ngã 今kim 惟duy 忖thốn 。 生sinh 大đại 悲bi 懼cụ 。 唯duy 願nguyện 世Thế 尊Tôn 。 以dĩ 慈từ 悲bi 力lực 。 為vì 我ngã 說thuyết 法Pháp 。 聽thính 我ngã 出xuất 家gia 。 令linh 免miễn 斯tư 苦khổ 。   
Giờ con suy nghĩ lại thì cảm thấy vô cùng hoảng sợ. Cầu mong Thế Tôn với sức đại từ bi, xin Ngài hãy vì con mà thuyết Pháp và cho phép con được xuất gia để thoát miễn khổ báo này.'

爾nhĩ 時thời 普Phổ 光Quang 正Chính 見Kiến 如Như 來Lai 。 告cáo 顛Điên 倒Đảo 言ngôn 。   
Lúc bấy giờ Phổ Quang Chính Kiến Như Lai bảo người nữ Điên Đảo rằng:  
  
世thế 間gian 有hữu 五ngũ 種chủng 。 懺sám 悔hối 難nan 滅diệt 。 何hà 等đẳng 為vi 五ngũ 。   
'Ở thế gian có năm loại nghiệp ác khó mà sám hối cho sạch. Những gì là năm?  
  
一nhất 者giả 。 殺sát 父phụ 。 二nhị 者giả 。 殺sát 母mẫu 。 三tam 者giả 。 殺sát 胎thai 。 四tứ 者giả 。 出xuất 佛Phật 身thân血huyết 。 五ngũ 者giả 。 破phá 和hòa 合hợp 僧Tăng 。   
*1.* giết cha  
*2.* giết mẹ  
*3.* phá thai  
*4.* làm thân Phật chảy máu  
*5.* phá hòa hợp Tăng  
  
如như 此thử 惡ác 業nghiệp 。 罪tội 難nan 消tiêu 滅diệt 。   
Tội lỗi của những nghiệp ác này rất khó diệt trừ.'  
  
爾nhĩ 時thời 顛Điên 倒Đảo 女nữ 人nhân 。 嗁đề 號hào 哽ngạnh 咽ế 。 悲bi 泣khấp 雨vũ 淚lệ 。 五ngũ 體thể 投đầu 地địa 。 踠uyển 轉chuyển 佛Phật 前tiền 。 而nhi 白bạch 佛Phật 言ngôn 。   
Lúc bấy giờ người nữ Điên Đảo nghẹn ngào khóc than, lệ tuôn như mưa, cúi đầu đỉnh lễ sát đất, và quỳ lết đến trước Phật, rồi thưa với Phật rằng:  
  
世Thế 尊Tôn 。 大đại 慈từ 救cứu 護hộ 一nhất 切thiết 。 唯duy 願nguyện 世Thế 尊Tôn 。 憐lân 愍mẫn 說thuyết 法Pháp 。   
'Đức Thế Tôn, bậc đại từ cứu hộ tất cả. Cúi mong Thế Tôn thương xót, xin hãy thuyết Pháp cho con.'

普Phổ 光Quang 正Chính 見Kiến 如Như 來Lai 。 而nhi 重trùng 告cáo 言ngôn 。   
Phổ Quang Chính Kiến Như Lai lại bảo rằng:  
  
汝nhữ 此thử 惡ác 業nghiệp 。 當đương 墮đọa 阿A 鼻Tị 地Địa 獄Ngục 。 無vô 有hữu 休hưu 息tức 。   
'Nghiệp ác do con gây ra sẽ khiến con đọa Địa ngục Vô Gián và phải chịu đau đớn không chút tạm ngưng.  
  
熱nhiệt 地địa 獄ngục 中trung 。 暫tạm 遇ngộ 寒hàn 風phong 。 罪tội 人nhân 暫tạm 寒hàn 。 寒hàn 地địa 獄ngục 中trung 。 暫tạm 遇ngộ 熱nhiệt 風phong 。 罪tội 人nhân 暫tạm 熱nhiệt 。   
Ở trong địa ngục nóng bỏng, luồng gió lạnh bỗng nhiên thổi đến và làm cho người tội tạm thoáng được lạnh. Ở trong địa ngục lạnh buốt, luồng gió nóng bỗng nhiên thổi đến và làm cho người tội tạm thoáng được nóng.  
  
無Vô 間Gián 地Địa 獄Ngục 。 無vô 有hữu 是thị 處xứ 。 上thượng 火hỏa 徹triệt 下hạ 。 下hạ 火hỏa 徹triệt 上thượng 。 四tứ 面diện 鐵thiết 牆tường 。 上thượng 安an 鐵thiết 網võng 。 東đông 西tây 四tứ 門môn 。 有hữu 猛mãnh 業nghiệp 火hỏa 。   
Địa ngục Vô Gián thì không phải như vậy. Ở địa ngục này, lửa từ trên bắn xuống, lửa ở dưới bốc lên. Ở bốn phía tường của ngục này đều làm bằng sắt. Bên trên có lưới giăng sắt bao phủ. Trên bốn cửa thành của đông tây nam bắc đều có lửa nghiệp cháy hừng hực.  
  
若nhược 有hữu 一nhất 人nhân 。 身thân 亦diệc 徧biến 獄ngục 。 身thân 長trường 八bát 萬vạn 由do 旬tuần 。 若nhược 眾chúng多đa 人nhân 。 亦diệc 皆giai 徧biến 滿mãn 。   
Nếu một người thọ tội thì thân họ cũng đầy chật cả ngục và thân dài đến 80.000 yojana [dô cha na]. Nếu nhiều người thọ tội thì thân họ cũng đầy khắp cả ngục.  
  
罪tội 人nhân 徧biến 身thân 。 有hữu 大đại 鐵thiết 蛇xà 。 其kỳ 毒độc 苦khổ 痛thống 。 甚thậm 於ư 猛mãnh 火hỏa 。 或hoặc 從tùng 口khẩu 入nhập 。 從tùng 眼nhãn 耳nhĩ 出xuất 。 周chu 帀táp 纏triền 身thân 。 從tùng 劫kiếp 至chí 劫kiếp 。 罪tội 人nhân肢chi 節tiết 。 常thường 出xuất 猛mãnh 火hỏa 。   
Toàn thân của người tội có những con rắn sắt khổng lồ quấn quanh. Nọc độc của nó còn thống khổ hơn cả lửa dữ. Có con bò vào miệng rồi chui ra mắt hoặc tai của người tội. Chúng siết chặt toàn thân của họ từ kiếp này đến kiếp khác. Tứ chi và các đốt xương của người tội luôn có lửa cháy rực phun ra.  
  
復phục 有hữu 鐵thiết 鵶nha 。 啄trác 食thực 其kỳ 肉nhục 。 或hoặc 有hữu 銅đồng 狗cẩu 。 齩giảo 齧niết 其kỳ 身thân 。 牛ngưu頭đầu 獄ngục 卒tốt 。 手thủ 執chấp 兵binh 具cụ 。 發phát 大đại 惡ác 聲thanh 。 如như 雷lôi 霹phích 靂lịch 。   
Lại có quạ sắt mổ ăn thịt tội nhân. Hoặc có chó đồng cắn xé thân xác người tội. Các ngục tốt đầu trâu cầm binh khí và thét ra tiếng ác vang dội như sấm sét nổ.  
  
汝nhữ 固cố 殺sát 胎thai 。 當đương 受thọ 此thử 苦khổ 。 我ngã 若nhược 妄vọng 說thuyết 。 不bất 名danh 為vi 佛Phật 。   
Con cố ý phá thai nên sẽ chuốc lấy khổ này. Nếu Ta nói dối thì Ta không gọi là Phật.'  
  
爾nhĩ 時thời 顛Điên 倒Đảo 女nữ 人nhân 。 聞văn 佛Phật 說thuyết 已dĩ 。 悲bi 咽ế 躃tích 地địa 。   
Khi người nữ Điên Đảo nghe Phật nói xong thì nghẹn ngào đau xót và xỉu trên đất.  
  
漸tiệm 得đắc 穌tô 息tức 。 重trùng 白bạch 佛Phật 言ngôn 。   
Một hồi sau thì mới dần dần tỉnh dậy và lại thưa với Phật rằng:  
  
世Thế 尊Tôn 。 唯duy 我ngã 一nhất 人nhân 。 受thọ 斯tư 苦khổ 痛thống 。 為vi 復phục 一nhất 切thiết 眾chúng 生sinh 。 皆giai受thọ 此thử 苦khổ 。   
'Thưa Thế Tôn! Có phải chỉ riêng một mình con là sẽ chịu thống khổ này, hay tất cả những chúng sinh nào phá thai thì cũng đều phải thọ lấy nỗi khổ đó?'

普Phổ 光Quang 如Như 來Lai 。 告cáo 顛Điên 倒Đảo 言ngôn 。   
Phổ Quang Chính Kiến Như Lai bảo người nữ Điên Đảo rằng:  
  
汝nhữ 子tử 在tại 胎thai 。 人nhân 形hình 具cụ 足túc 。 在tại 生sinh 熟thục 二nhị 藏tạng 。 猶do 如như 地địa 獄ngục 。 兩lưỡng石thạch 壓áp 身thân 。 母mẫu 若nhược 熱nhiệt 食thực 。 如như 熱nhiệt 地địa 獄ngục 。 母mẫu 餐xan 冷lãnh 食thực 。 如như 冷lãnh 地địa 獄ngục 。 終chung 日nhật 苦khổ 痛thống 。   
'Thai nhi của con đã phát triển đầy đủ hình người. Nó nằm ở giữa các bộ phận dạ dày và đường ruột mà như là đang ở địa ngục với hai tảng đá đè ép vào thân. Nếu mẹ ăn đồ nóng thì con như ở địa ngục nóng. Nếu mẹ ăn đồ lạnh thì con như ở địa ngục lạnh. Suốt ngày nó phải chịu thống khổ.  
  
在tại 無vô 明minh 中trung 。 汝nhữ 更cánh 惡ác 心tâm 。 固cố 服phục 毒độc 藥dược 。 汝nhữ 此thử 惡ác 業nghiệp 。 自tự 墮đọa 阿A 鼻Tị 。 地địa 獄ngục 罪tội 人nhân 。 是thị 汝nhữ 儔trù 侶lữ 。   
Thế mà ở trong vô minh, con còn ác tâm cố ý uống thuốc độc. Nghiệp ác này sẽ tự động dẫn con đọa Địa ngục Vô Gián. Các tội nhân ở địa ngục chính là bạn đồng hành của con đó.'  
  
顛Điên 倒Đảo 女nữ 人nhân 。 悲bi 號hào 重trùng 白bạch 。   
Người nữ Điên Đảo kêu gào và lại thưa rằng:  
  
我ngã 聞văn 智trí 者giả 。 說thuyết 如như 是thị 言ngôn 。   
'Con đã từng nghe người trí nói lời như thế này:  
  
若nhược 造tạo 諸chư 惡ác 。 值trị 佛Phật 及cập 僧Tăng 。 懺sám 悔hối 即tức 滅diệt 。 設thiết 所sở 命mạng 終chung 。 入nhập諸chư 地địa 獄ngục 。 造tạo 小tiểu 福phúc 者giả 。 還hoàn 得đắc 生sinh 天thiên 。   
"Nếu ai trót tạo các việc ác mà gặp được Phật hoặc chư Tăng, rồi chí thành sám hối thì tội sẽ được tiêu trừ. Giả như đã mạng chung và rơi vào các địa ngục, nhưng nếu thân bằng quyến thuộc tạo một ít phúc cho họ, thì người chết sẽ được sinh lên trời."  
  
於ư 意ý 云vân 何hà 。 願nguyện 為vì 我ngã 說thuyết 。   
Có thật đúng như vậy không, thưa Thế Tôn? Xin Ngài hãy nói cho con biết!'

普Phổ 光Quang 正Chính 見Kiến 如Như 來Lai 。 告cáo 顛Điên 倒Đảo 言ngôn 。   
Phổ Quang Chính Kiến Như Lai bảo người nữ Điên Đảo rằng:  
  
若nhược 有hữu 眾chúng 生sinh 。 造tạo 諸chư 重trọng 罪tội 。 遇ngộ 佛Phật 及cập 僧Tăng 。 至chí 誠thành 懺sám 悔hối 。 不bất 復phục 更cánh 作tác 。 罪tội 得đắc 消tiêu 滅diệt 。   
'Nếu có chúng sinh nào tạo các trọng tội mà gặp được Phật hoặc chư Tăng, rồi chí thành sám hối và quyết không bao giờ tái phạm, thì tội sẽ được tiêu trừ.  
  
設thiết 所sở 命mạng 終chung 。 閻Diêm 摩Ma 羅La 法Pháp 王Vương 。 推thôi 問vấn 未vị 定định 。 亡vong 者giả 生sinh 存tồn 六lục 親thân 眷quyến 屬thuộc 。 請thỉnh 佛Phật 迎nghênh 僧Tăng 。 七thất 日nhật 之chi 內nội 。 轉chuyển 讀độc 大Đại 椉Thừa 方Phương 等Đẳng 經Kinh 典điển 。 燒thiêu 香hương 散tán 花hoa 。 當đương 有hữu 冥minh 使sử 。 檢kiểm 覆phúc 善thiện 惡ác 。 持trì 五ngũ 色sắc 神thần 旛phan 。 來lai 至chí 王vương 所sở 。 其kỳ 旛phan 前tiền 後hậu 。 歌ca 詠vịnh 讚tán 歎thán 。 出xuất微vi 妙diệu 聲thanh 。 柔nhu 和hòa 善thiện 順thuận 。   
Giả như họ đã mạng chung và còn trong lúc Diêm Vương Thiên Tử vẫn chưa tra hỏi định đoạt, nếu lục thân quyến thuộc của người chết có thể lễ Phật cùng thỉnh chư Tăng để cúng dường, lại trong bảy ngày chuyển đọc Đại Thừa Phương Quảng Kinh điển và thắp hương rải hoa, thì khi ấy sứ giả khảo xét thiện ác của Diêm Vương sẽ cầm cây thần phan năm màu mà đến trước chỗ của Diêm Vương. Ở trước và phía sau của cây tràng phan này sẽ có tiếng ca tụng ngợi khen với âm thanh vi diệu và nhu hòa hiền từ vang ra.  
  
報báo 閻Diêm 王Vương 言ngôn 。   
Họ trình tấu cho Diêm Vương rằng:  
  
此thử 人nhân 積tích 善thiện 。   
"Người này tích nhân làm thiện!"  
  
或hoặc 多đa 亡vong 者giả 。 七thất 日nhật 之chi 內nội 。 信tín 邪tà 倒đảo 見kiến 。 不bất 信tín 佛Phật 法Pháp 。 大Đại 椉Thừa經Kinh 典điển 。 無vô 慈từ 孝hiếu 心tâm 。 無vô 慈từ 悲bi 心tâm 。 當đương 有hữu 冥minh 使sử 。 持trì 一nhất 黑hắc 旛phan 。 其kỳ 旛phan 前tiền 後hậu 。 有hữu 無vô 量lượng 惡ác 鬼quỷ 。   
Hoặc giả như người chết lúc sinh thời tin theo tà kiến điên đảo, không tin Kinh điển trong Phật Pháp Đại Thừa, chẳng có tấm lòng hiếu thảo và không có tâm từ bi, lại chẳng có ai làm công đức cho họ trong bảy ngày sau khi mất, thì khi ấy sứ giả của Diêm Vương sẽ cầm một cây tràng phan màu đen mà đến trước chỗ của Diêm Vương. Ở trước và phía sau của cây tràng phan này sẽ có vô lượng ác quỷ.  
  
報báo 閻Diêm 王Vương 言ngôn 。   
Họ trình tấu cho Diêm Vương rằng:  
  
此thử 人nhân 積tích 惡ác 。   
"Người này tích nhân làm ác!"  
  
爾nhĩ 時thời 閻Diêm 羅La 法Pháp 王Vương 。 見kiến 五ngũ 色sắc 旛phan 至chí 。 心tâm 大đại 歡hoan 喜hỷ 。 高cao 聲thanh 唱xướng 言ngôn 。   
Lúc bấy giờ, khi Diêm Vương Thiên Tử thấy cây thần phan năm màu đi đến thì lòng vui mừng vô cùng, ngài lớn tiếng nói rằng:  
  
願nguyện 我ngã 罪tội 身thân 。 亦diệc 同đồng 汝nhữ 善thiện 。   
"Nguyện việc thiện của ta cũng bằng như hắn vậy!"  
  
當đương 此thử 之chi 時thời 。 諸chư 地địa 獄ngục 中trung 。 變biến 為vi 清thanh 泉tuyền 。 刀đao 山sơn 劒kiếm 樹thụ 。 如như蓮liên 華hoa 生sinh 。 一nhất 切thiết 罪tội 人nhân 。 咸hàm 受thọ 快khoái 樂lạc 。   
Ngay lúc đó, các địa ngục sẽ biến thành những dòng suối trong. Núi đao rừng kiếm biến thành hoa sen. Tất cả tội nhân đều thọ hưởng vui sướng.  
  
若nhược 見kiến 黑hắc 旛phan 。 閻Diêm 王Vương 瞋sân 怒nộ 。 惡ác 聲thanh 震chấn 裂liệt 。 則tắc 將tương 罪tội 人nhân 。 付phó 十thập 八bát 獄ngục 。   
Còn nếu Diêm Vương thấy cây tràng phan màu đen thì lòng phẫn nộ và hét ra tiếng dữ tợn như sấm nổ. Người tội lập tức rơi vào trong 18 đại địa ngục.  
  
或hoặc 上thượng 劒kiếm 樹thụ 。 或hoặc 刀đao 山sơn 中trung 。 或hoặc 臥ngọa 鐵thiết 牀sàng 。 或hoặc 抱bão 銅đồng 柱trụ 。 牛ngưu 犂lê 拔bạt 舌thiệt 。 碓đối 擣đảo 磑ngại 磨ma 。   
Tội nhân bị ép phải leo lên rừng kiếm, vào trong núi đao, ngồi trên giường sắt, hay phải bắt ôm trụ đồng. Lưỡi bị kéo ra để cày bừa, hoặc bị nhét vào trong cối xay để nghiền nát.  
  
一nhất 日nhật 之chi 中trung 。 萬vạn 死tử 萬vạn 生sinh 。 乃nãi 至chí 展triển 轉chuyển 。 墮đọa 阿A 鼻Tị 獄Ngục 。 受thọ 大đại苦khổ 痛thống 。 從tùng 劫kiếp 至chí 劫kiếp 。 無vô 有hữu 休hưu 息tức 。   
Trong một ngày có muôn lần chết đi và muôn lần sống lại. Triển chuyển như thế cho đến khi đọa Địa ngục Vô Gián để chịu thống khổ tột cùng; từ kiếp này cho đến kiếp khác, không chút tạm ngưng.'

所sở 言ngôn 未vị 訖ngật 。 爾nhĩ 時thời 空không 中trung 。 有hữu 大đại 惡ác 聲thanh 。 喚hoán 言ngôn 。   
Khi Như Lai kia còn chưa nói xong, thì lúc bấy giờ trong hư không có âm thanh ghê rợn hét ra:  
  
顛Điên 倒Đảo 女nữ 人nhân 。 汝nhữ 固cố 殺sát 胎thai 。 受thọ 短đoản 命mạng 報báo 。 我ngã 是thị 鬼quỷ 使sứ 。 故cố 來lai 追truy 汝nhữ 。   
'Điên Đảo! Ngươi cố ý phá thai nên phải chịu quả báo đoản mạng. Ta là quỷ sứ đến để truy bắt ngươi đó!'  
  
顛Điên 倒Đảo 女nữ 人nhân 。 驚kinh 愕ngạc 悲bi 泣khấp 。 抱bão 如Như 來Lai 足túc 。   
Khi ấy người nữ Điên Đảo kinh hoàng, nàng ôm chân của Như Lai kia và khóc than.  
  
唯duy 願nguyện 世Thế 尊Tôn 。 為vì 我ngã 廣quảng 說thuyết 。 諸chư 佛Phật 法Pháp 藏tạng 。 滅diệt 罪tội 因nhân 緣duyên 。 死tử 當đương 願nguyện 畢tất 。   
'Cúi xin Thế Tôn hãy rộng thuyết giảng Pháp tạng của chư Phật và phương pháp tiêu trừ nghiệp tội cho con. Nếu được như thế thì dẫu có chết đi con cũng cam lòng.'  
  
爾nhĩ 時thời 普Phổ 光Quang 正Chính 見Kiến 如Như 來Lai 。 以dĩ 佛Phật 威uy 力lực 。 報báo 鬼quỷ 使sứ 言ngôn 。   
Lúc bấy giờ Phổ Quang Chính Kiến Như Lai dùng uy lực của Phật mà bảo quỷ sứ rằng:  
  
無vô 常thường 殺sát 鬼quỷ 。 我ngã 今kim 現hiện 欲dục 。 為vì 顛Điên 倒Đảo 女nữ 。 說thuyết 長Trường 壽Thọ 命Mạng 滅Diệt罪Tội 經Kinh 。 且thả 待đãi 須tu 臾du 。 自tự 當đương 有hữu 證chứng 。   
'Này sát quỷ vô thường! Ta bây giờ muốn giảng Kinh Trường Thọ Diệt Tội cho người nữ Điên Đảo. Hãy đợi thêm một lát nữa thì tự ông sẽ có điều chứng ngộ.  
  
汝nhữ 當đương 諦đế 聽thính 。 我ngã 當đương 為vì 汝nhữ 。 依y 過quá 去khứ 千thiên 佛Phật 。 說thuyết 諸chư 佛Phật 祕bí 法Pháp 。 長Trường 壽Thọ 命Mạng 經Kinh 。 令linh 遣khiển 汝nhữ 等đẳng 。 遠viễn 離ly 惡ác 道đạo 。   
Này Điên Đảo! Con hãy lắng nghe. Ta sẽ thuyết Pháp bí mật của chư Phật cho con, đó là Kinh Trường Thọ mà 1.000 Đức Phật quá khứ cũng đã giảng dạy, để khiến con cùng chúng sinh xa lìa đường ác.  
  
顛Điên 倒Đảo 當đương 知tri 。 此thử 無vô 常thường 殺sát 鬼quỷ 。 情tình 求cầu 難nan 脫thoát 。 縱túng 有hữu 無vô 量lượng 百bách 千thiên 。 金kim 。 銀ngân 。 瑠lưu 璃ly 。 硨xa 磲cừ 。 赤xích 珠châu 。 瑪mã 瑙não 。 而nhi 將tương 贖thục 命mạng 。 無vô 能năng 得đắc 免miễn 。 縱túng 使sử 國quốc 王vương 。 王vương 子tử 。 大đại 臣thần 。 長trưởng 者giả 。 恃thị 其kỳ 勢thế 力lực 。 無vô 常thường 鬼quỷ 至chí 。 斷đoạn 其kỳ 寶bảo 命mạng 。 無vô 一nhất 能năng 免miễn 。   
Này Điên Đảo! Nên biết rằng, sát quỷ vô thường này đây không bao giờ lay động trước tình cảm van xin. Dẫu con có lấy vô lượng trăm nghìn vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, xích châu, và mã não để mua chuộc tính mạng thì vẫn không thể nào được thoát miễn đâu. Dẫu cho những người có thế lực, như là quốc vương, vương tử, đại thần, hay trưởng giả, nhưng lúc quỷ vô thường đến tước đi mạng sống quý báu của họ thì không một ai có thể thoát khỏi.  
  
顛Điên 倒Đảo 當đương 知tri 。 唯duy 佛Phật 一nhất 字tự 。 能năng 免miễn 斯tư 苦khổ 。   
Này Điên Đảo! Nên biết rằng, duy nhất một chữ Phật mới có thể thoát miễn khổ ách đó.  
  
顛Điên 倒Đảo 。 世thế 有hữu 二nhị 人nhân 。 甚thậm 為vi 希hy 有hữu 。 如như 優ưu 曇đàm 花hoa 。 難nan 可khả 值trị 遇ngộ。   
Này Điên Đảo! Thế gian có hai loại người rất là hy hữu; họ khó gặp như hoa linh thụy.  
  
一nhất 者giả 。 不bất 行hành 惡ác 法pháp 。 二nhị 者giả 。 有hữu 罪tội 即tức 能năng 懺sám 悔hối 。   
- Một là những người không bao giờ làm điều ác.  
- Hai là những người có thể sám hối khi phạm lỗi lầm.  
  
如như 是thị 之chi 人nhân 。 甚thậm 為vi 希hy 有hữu 。 汝nhữ 能năng 至chí 心tâm 。 於ư 我ngã 懺sám 悔hối 。 我ngã 當đương為vì 汝nhữ 。 說thuyết 長Trường 壽Thọ 經Kinh 。 令linh 汝nhữ 得đắc 免miễn 。 無vô 常thường 鬼quỷ 苦khổ 。   
Những người như thế rất là quý hiếm. Do con đã có thể thành tâm sám hối ở trước Ta, nên Ta sẽ vì con mà thuyết Kinh Trường Thọ, hầu khiến con thoát khỏi khổ ách bị quỷ vô thường truy sát.

顛Điên 倒Đảo 當đương 知tri 。 未vị 來lai 世thế 中trung 。 五ngũ 濁trược 亂loạn 時thời 。 若nhược 有hữu 眾chúng 生sinh 。 造tạo諸chư 重trọng 罪tội 。 殺sát 父phụ 害hại 母mẫu 。 毒độc 藥dược 殺sát 胎thai 。 破phá 塔tháp 壞hoại 寺tự 。 出xuất 佛Phật 身thân 血huyết 。 破phá 和hòa 合hợp 僧Tăng 。   
Này Điên Đảo! Nên biết rằng, trong đời ác năm trược ở vị lai, nếu có chúng sinh nào gây tạo các trọng tội, như là: giết hại cha mẹ, uống thuốc độc phá thai, hủy hoại chùa tháp, làm thân Phật chảy máu, hoặc phá hòa hợp Tăng.  
  
如như 是thị 等đẳng 罪tội 。 五ngũ 逆nghịch 眾chúng 生sinh 。 若nhược 能năng 受thọ 持trì 。 此thử 長Trường 壽Thọ 經Kinh 。 書thư 寫tả 讀độc 誦tụng 。 若nhược 自tự 書thư 。 若nhược 遣khiển 人nhân 書thư 。 猶do 尚thượng 罪tội 滅diệt 。 得đắc 生sinh 梵Phạm 天Thiên 。 何hà 況huống 汝nhữ 今kim 。 親thân 得đắc 見kiến 我ngã 。   
Các chúng sinh gây tạo năm tội ngỗ nghịch như thế, nếu họ có thể thọ trì Kinh Trường Thọ này, rồi biên chép đọc tụng, hoặc tự biên chép, hay bảo người khác biên chép, thì tội sẽ tiêu trừ và sẽ được sinh lên cõi Phạm Thiên. Huống chi là con nay còn đích thân thấy được Ta.  
  
善thiện 哉tai 顛Điên 倒Đảo 。 汝nhữ 於ư 無vô 量lượng 曠khoáng 劫kiếp 。 種chúng 諸chư 善thiện 根căn 。 我ngã 今kim 因nhân汝nhữ 善thiện 問vấn 。 慇ân 懃cần 懺sám 悔hối 。 即tức 得đắc 轉chuyển 于vu 。 無vô 上thượng 法Pháp 輪luân 。 能năng 度độ無vô 邊biên 。 生sinh 死tử 大đại 海hải 。 能năng 與dữ 波Ba 旬Tuần 共cộng 戰chiến 。 能năng 摧tồi 波Ba 旬Tuần 。 所sở 立lập勝thắng 幢tràng 。 汝nhữ 當đương 諦đế 聽thính 。 我ngã 當đương 依y 過quá 去khứ 諸chư 佛Phật 。 說thuyết 十Thập 二Nhị 因Nhân 緣Duyên 法Pháp 。   
Lành thay Điên Đảo! Ở trong vô lượng kiếp, con đã gieo trồng các thiện căn. Nhân do câu hỏi khéo léo và sự ân cần sám hối của con, Ta nay sẽ thuyết Pháp cho con. Không bao lâu, con sẽ có thể chuyển Pháp luân vô thượng, có thể vượt qua vô biên đại hải của sinh tử, có thể chiến đấu với Thiên ma Ác Giả, có thể bẻ gãy cờ chiến thắng đã dựng lên của Thiên ma Ác Giả. Con hãy lắng nghe! Ta sẽ thuyết Mười Hai Nhân Duyên mà chư Phật quá khứ cũng đã dạy.  
  
無vô 明minh 緣duyên 行hành 。 行hành 緣duyên 識thức 。 識thức 緣duyên 名danh 色sắc 。 名danh 色sắc 緣duyên 六lục 入nhập。 六lục 入nhập 緣duyên 觸xúc 。 觸xúc 緣duyên 受thọ 。 受thọ 緣duyên 愛ái 。 愛ái 緣duyên 取thủ 。 取thủ 緣duyên 有hữu 。 有hữu 緣duyên 生sinh 。 生sinh 緣duyên 老lão 死tử 。 憂ưu 悲bi 苦khổ 惱não 。   
Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu nhập, sáu nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên già chết và các ưu sầu khổ não.  
  
無vô 明minh 滅diệt 即tức 行hành 滅diệt 。 行hành 滅diệt 即tức 識thức 滅diệt 。 識thức 滅diệt 即tức 名danh 色sắc 滅diệt 。 名danh 色sắc 滅diệt 即tức 六lục 入nhập 滅diệt 。 六lục 入nhập 滅diệt 即tức 觸xúc 滅diệt 。 觸xúc 滅diệt 即tức 受thọ 滅diệt 。 受thọ滅diệt 即tức 愛ái 滅diệt 。 愛ái 滅diệt 即tức 取thủ 滅diệt 。 取thủ 滅diệt 即tức 有hữu 滅diệt 。 有hữu 滅diệt 即tức 生sinh 滅diệt。 生sinh 滅diệt 即tức 老lão 死tử 。 憂ưu 悲bi 苦khổ 惱não 滅diệt 。   
Khi vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì sáu nhập diệt, sáu nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì già chết và các ưu sầu khổ não diệt.  
  
顛Điên 倒Đảo 當đương 知tri 。 一nhất 切thiết 眾chúng 生sinh 。 不bất 能năng 見kiến 於ư 。 十Thập 二Nhị 因Nhân 緣Duyên 。 是thị 故cố 輪luân 轉chuyển 。 生sinh 死tử 苦khổ 趣thú 。 若nhược 有hữu 人nhân 見kiến 。 十Thập 二Nhị 因Nhân 緣Duyên 者giả 。 即tức 是thị 見kiến 法pháp 。 見kiến 法pháp 者giả 。 即tức 是thị 見kiến 佛Phật 。 見kiến 佛Phật 者giả 。 即tức 是thị 佛Phật 性tính。   
Này Điên Đảo! Nên biết rằng, do bởi tất cả chúng sinh không thể quán chiếu Mười Hai Nhân Duyên, nên họ phải luân chuyển trong các đường sinh tử để thọ khổ. Nếu ai có thể quán chiếu Mười Hai Nhân Duyên thì họ sẽ liền thấy như thật của các pháp. Do người đó thấy như thật của các pháp nên họ sẽ liền thấy Phật. Khi đã thấy Phật thì họ sẽ liền ngộ Phật tính.  
  
何hà 以dĩ 故cố 。 一nhất 切thiết 諸chư 佛Phật 。 以dĩ 此thử 為vi 性tính 。   
Vì sao thế? Bởi hết thảy chư Phật đều dùng Mười Hai Nhân Duyên để làm Pháp tính.  
  
汝nhữ 今kim 得đắc 聞văn 。 我ngã 說thuyết 此thử 十Thập 二Nhị 因Nhân 緣Duyên 。 汝nhữ 今kim 以dĩ 得đắc 。 佛Phật 性tính 清thanh 淨tịnh 。 堪kham 為vi 法Pháp 器khí 。 我ngã 當đương 為vì 汝nhữ 。 說thuyết 一nhất 實thật 道Đạo 。 汝nhữ 當đương 思tư惟duy 。 守thủ 護hộ 一nhất 念niệm 。 一nhất 念niệm 者giả 。 謂vị 菩Bồ 提Đề 心tâm 。 菩Bồ 提Đề 心tâm 者giả 。 名danh 曰viết大Đại 椉Thừa 。   
Bây giờ con đã nghe được Ta thuyết Mười Hai Nhân Duyên này, thì con sẽ được Phật tính thanh tịnh và có thể làm bậc Pháp khí. Ta nay sẽ vì con mà nói một Đạo chân thật. Con hãy tư duy và gìn giữ một niệm này. Một niệm này gọi là Đạo tâm. Mà Đạo tâm còn gọi là tâm Đại Thừa.  
  
諸chư 佛Phật 菩Bồ 薩Tát 。 為vì 眾chúng 生sinh 故cố 。 分phân 別biệt 說thuyết 三tam 。 汝nhữ 當đương 念niệm 念niệm 。 常thường 懃cần 守thủ 護hộ 。 是thị 菩Bồ 提Đề 心tâm 。 勿vật 令linh 忘vong 失thất 。 縱túng 有hữu 五ngũ 陰ấm 四tứ 蛇xà 。 三tam 毒độc 六lục 賊tặc 。 一nhất 切thiết 諸chư 魔ma 。 來lai 所sở 侵xâm 嬈nhiễu 。 終chung 不bất 能năng 變biến 。 是thị 菩Bồ提Đề 心tâm 。   
Vì căn tính của chúng sinh không giống nhau, nên chư Phật và Bồ-tát phân biệt mà nói có ba thừa. Trong niệm niệm con phải luôn luôn gìn giữ Đạo tâm này và chớ để quên mất. Dẫu thân bị năm uẩn [sắc, thọ, tưởng, hành, thức] thiêu đốt, bị bốn con rắn [đất, nước, gió, lửa] ăn nuốt, bị ba độc [tham, sân, si] não loạn, bị sáu tên giặc [sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp] chiếm đoạt, và bị hết thảy chúng ma đến xâm nhiễu, thì cũng không thể nào biến đổi Đạo tâm này.  
  
因nhân 獲hoạch 如như 是thị 。 菩Bồ 提Đề 心tâm 故cố 。 身thân 如như 金kim 剛cang 。 心tâm 如như 虗hư 空không 。 難nan 可khả 沮trở 壞hoại 。   
Nhân do được Đạo tâm như thế, nên thân sẽ kiên cố như kim cang, tâm bao la như hư không, và không gì có thể trở ngại hay phá hoại.  
  
因nhân 不bất 壞hoại 故cố 。 即tức 得đắc 阿A 耨Nậu 多Đa 羅La 三Tam 藐Miệu 三Tam 菩Bồ 提Đề 。   
Nhân do được thân tâm bất hoại, nên liền đắc Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác.  
  
因nhân 得đắc 阿A 耨Nậu 多Đa 羅La 三Tam 藐Miệu 三Tam 菩Bồ 提Đề 故cố 。 常thường 樂lạc 我ngã 淨tịnh 。   
Nhân do đắc Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác, nên sẽ có thường lạc ngã tịnh.  
  
具cụ 足túc 而nhi 有hữu 。 即tức 能năng 遠viễn 離ly 。 此thử 無vô 常thường 殺sát 鬼quỷ 。 生sinh 老lão 病bệnh 死tử 。 諸chư 地địa 獄ngục 苦khổ 。   
Khi đã có đầy đủ bốn đức của tịch diệt, thì sẽ liền có thể xa rời sát quỷ vô thường này cùng sinh già bệnh chết và các sự thống khổ ở địa ngục.'

佛Phật 於ư 大đại 眾chúng 中trung 。 說thuyết 是thị 法Pháp 時thời 。 虗hư 空không 鬼quỷ 使sứ 。 作tác 如như 是thị 言ngôn 。   
Khi Đức Phật kia ở giữa đại chúng thuyết Pháp này xong, lúc bấy giờ quỷ sứ đang ở trong hư không khởi nghĩ như vầy:  
  
我ngã 聞văn 世Thế 尊Tôn 說thuyết 是thị 法Pháp 要yếu 。 地địa 獄ngục 清thanh 淨tịnh 。 為vi 蓮liên 華hoa 池trì 。 我ngã 今kim現hiện 捨xả 鬼quỷ 境cảnh 界giới 。   
'Ta đã nghe được Thế Tôn thuyết giảng Pháp yếu này. Dẫu cho là địa ngục thì cũng có thể biến thành ao hoa sen thanh tịnh. Bây giờ ta phải xả bỏ cảnh giới của quỷ này mới được.'  
  
鬼quỷ 復phục 答đáp 言ngôn 。   
Quỷ sứ lại nói với người nữ Điên Đảo rằng:  
  
顛Điên 倒Đảo 。 汝nhữ 得đắc 道Đạo 時thời 。 願nguyện 見kiến 濟tế 度độ 。   
'Điên Đảo! Khi cô đắc Đạo thì xin hãy hóa độ cho ta!'  
  
爾nhĩ 時thời 普Phổ 光Quang 正Chính 見Kiến 如Như 來Lai 。 復phục 告cáo 顛Điên 倒Đảo 。   
Lúc bấy giờ Phổ Quang Chính Kiến Như Lai lại bảo người nữ Điên Đảo rằng:  
  
我ngã 已dĩ 為vì 汝nhữ 。 說thuyết 十Thập 二Nhị 因Nhân 緣Duyên 竟cánh 。 更cánh 為vì 汝nhữ 說thuyết 六Lục 波Ba 羅La 蜜Mật。 汝nhữ 當đương 受thọ 持trì 。 般Bát 若Nhã 波Ba 羅La 蜜Mật 。 禪Thiền 波Ba 羅La 蜜Mật 。 毗Tỳ 棃Lê 耶Da 波Ba 羅La 蜜Mật。 羼Sằn 提Đề 波Ba 羅La 蜜Mật 。 尸Thi 波Ba 羅La 密Mật 。 檀Đàn 波Ba 羅La 蜜Mật 。 此thử 六Lục 波Ba 羅La 蜜Mật 。 汝nhữ當đương 受thọ 持trì 。   
'Này Điên Đảo! Ta đã giảng Mười Hai Nhân Duyên cho con. Giờ đây Ta sẽ lại vì con mà nói Sáu Độ. Đó là: Bố Thí Độ, Trì Giới Độ, Nhẫn Nhục Độ, Tinh Tấn Độ, Thiền Định Độ, và Trí Tuệ Độ. Đây là Sáu Độ, con hãy gắng thọ trì.  
  
復phục 次thứ 為vì 汝nhữ 。 說thuyết 過quá 去khứ 諸chư 佛Phật 。 成thành 佛Phật 之chi 偈kệ 。 而nhi 說thuyết 偈kệ 言ngôn 。   
Nay Ta sẽ lại vì con mà nói bài kệ vô thường của chư Phật quá khứ đã nói khi các Ngài thành Phật Đạo.  
  
諸chư 行hành 無vô 常thường 。  
是thị 生sinh 滅diệt 法pháp 。  
生sinh 滅diệt 滅diệt 已dĩ 。  
寂tịch 滅diệt 為vi 樂lạc 。  
  
Các hành đều vô thường  
Là pháp của sinh diệt  
Khi sinh diệt diệt rồi  
Tịch diệt an vui nhất'  
  
爾nhĩ 時thời 顛Điên 倒Đảo 女nữ 人nhân 。 聞văn 法Pháp 歡hoan 喜hỷ 。 心tâm 豁hoát 明minh 淨tịnh 。 了liễu 了liễu 而nhi 悟ngộ。 以dĩ 佛Phật 神thần 力lực 。 昇thăng 於ư 虗hư 空không 。 高cao 七thất 多đa 羅la 樹thụ 。 安an 心tâm 靜tĩnh 坐tọa 。   
Khi nghe Pháp xong, người nữ Điên Đảo hoan hỷ vô cùng, tâm hoát nhiên thanh tịnh, minh liễu khai ngộ. Sau đó, nàng nương thần lực của Phật rồi bay lên hư không với độ cao bằng bảy cây cọ và ngồi tĩnh tọa an nhiên.

爾nhĩ 時thời 有hữu 一nhất 大đại 姓tánh 婆Bà 羅La 門Môn 。 家gia 中trung 巨cự 富phú 。 無vô 與dữ 等đẳng 者giả 。 忽hốt 患hoạn 重trọng 病bệnh 。 醫y 人nhân 瞻chiêm 之chi 。 須tu 人nhân 眼nhãn 睛tình 。 合hợp 藥dược 療liệu 愈dũ 。   
Lúc bấy giờ có một đại tính Phạm Chí, gia tài giàu sang không ai sánh bằng, bỗng nhiên lâm trọng bệnh. Sau khi khám, thầy thuốc bảo là cần phải có mắt người trộn với dược thảo thì mới trị lành.  
  
時thời 大đại 長trưởng 者giả 。 即tức 令lệnh 僮đồng 僕bộc 。 行hành 於ư 衢cù 路lộ 。 高cao 聲thanh 唱xướng 言ngôn 。   
Khi ấy ông trưởng giả liền sai đồng bộc đến các ngã tư đường mà lớn tiếng rao rằng:  
  
誰thùy 能năng 忍nhẫn 痛thống 。 賣mại 雙song 眼nhãn 睛tình 。 當đương 與dữ 千thiên 金kim 。 庫khố 藏tạng 珍trân 寶bảo 。 任nhậm 意ý 所sở 須tu 。 終chung 不bất 悋lận 惜tích 。   
'Ai có thể nhẫn chịu đau đớn để bán đôi mắt của mình? Tôi sẽ cho nghìn lượng vàng với kho tàng trân bảo; tùy ý muốn bao nhiêu cũng được và sẽ không bao giờ nuối tiếc.'  
  
顛Điên 倒Đảo 女nữ 人nhân 。 聞văn 此thử 語ngữ 已dĩ 。 心tâm 大đại 歡hoan 喜hỷ 。 而nhi 自tự 念niệm 言ngôn 。   
Khi người nữ Điên Đảo nghe được lời rao đó, trong lòng vui mừng vô cùng và tự nghĩ thầm:  
  
我ngã 今kim 從tùng 佛Phật 。 聞văn 長Trường 壽Thọ 經Kinh 。 滅diệt 除trừ 惡ác 業nghiệp 。 心tâm 以dĩ 了liễu 了liễu 。 悟ngộ諸chư 佛Phật 性tính 。 又hựu 得đắc 遠viễn 離ly 。 無vô 常thường 殺sát 鬼quỷ 。 諸chư 地địa 獄ngục 苦khổ 。 我ngã 當đương 碎toái 身thân 。 報báo 佛Phật 慈từ 恩ân 。   
'Mình đã nghe được Kinh Trường Thọ từ Đức Phật, và giờ đây hết thảy nghiệp ác cũng đã tiêu trừ. Tâm đã liễu ngộ Phật tính. Lại còn rời xa sát quỷ vô thường và các sự thống khổ ở địa ngục. Ta phải xả bỏ thân này để báo đáp ân huệ từ bi của Phật.'  
  
高cao 聲thanh 唱xướng 言ngôn 。   
Sau khi nghĩ như thế rồi, nàng hô lớn rằng:  
  
我ngã 今kim 秊niên 至chí 。 四tứ 十thập 九cửu 歲tuế 。 從tùng 佛Phật 聞văn 法Pháp 。 名danh 長Trường 壽Thọ 經Kinh 。 今kim欲dục 碎toái 身thân 。 不bất 惜tích 軀khu 命mạng 。 寫tả 長Trường 壽Thọ 經Kinh 。 四tứ 十thập 九cửu 卷quyển 。 欲dục 令linh一nhất 切thiết 眾chúng 生sinh 。 受thọ 持trì 讀độc 誦tụng 。 我ngã 須tu 賣mại 眼nhãn 。 將tương 寫tả 此thử 經Kinh 。 我ngã 眼nhãn 無vô 價giá 。 任nhậm 汝nhữ 與dữ 直trực 。   
'Tôi nay đã 49 tuổi. Sau khi nghe được Kinh Trường Thọ từ Đức Phật, bây giờ tôi muốn xả bỏ thân mạng này mà không hề luyến tiếc để biên chép 49 quyển Kinh Trường Thọ. Tôi chỉ mong sao tất cả chúng sinh đều có thể thọ trì đọc tụng Kinh này. Tôi cần bán đôi mắt của mình để trả tiền công cho những người biên chép Kinh. Mắt của tôi vô giá và muốn trả bao nhiêu cũng được.'

時thời 天Thiên 帝Đế 釋Thích 。 化hóa 作tác 四tứ 十thập 九cửu 人nhân 。 至chí 顛Điên 倒Đảo 所sở 。   
Lúc bấy giờ Năng Thiên Đế và các vị thiên tử biến hóa thành 49 người phàm, rồi họ đến chỗ của người nữ Điên Đảo và nói rằng:  
  
我ngã 願nguyện 為vì 汝nhữ 。 書thư 寫tả 是thị 經Kinh 。 令linh 汝nhữ 見kiến 已dĩ 。 當đương 任nhậm 賣mại 眼nhãn 。   
'Chúng tôi nguyện sẽ biên chép Kinh này cho cô, nhưng sau khi đã thấy Kinh rồi thì cô phải bán đôi mắt của mình.'  
  
時thời 顛Điên 倒Đảo 女nữ 。 慶khánh 幸hạnh 無vô 量lượng 。 削tước 骨cốt 為vi 筆bút 。 身thân 肉nhục 支chi 解giải 。 以dĩ 血huyết 為vi 墨mặc 。 供cung 給cấp 書thư 人nhân 。 於ư 七thất 日nhật 中trung 。 書thư 寫tả 經Kinh 竟cánh 。   
Lúc ấy người nữ Điên Đảo mừng rỡ khôn xiết, nàng tự rạch thịt từ nơi chân tay để lấy xương chẻ làm bút và chích máu làm mực mà cung cấp cho những người biên chép Kinh. Chỉ nội trong bảy ngày thì việc biên chép Kinh hoàn mãn.  
  
諸chư 人nhân 寫tả 已dĩ 。 白bạch 顛Điên 倒Đảo 言ngôn 。   
Sau đó những người biên chép Kinh nói với người nữ Điên Đảo rằng:  
  
向hướng 來lai 所sở 許hứa 。 兩lưỡng 眼nhãn 睛tình 時thời 。 我ngã 等đẳng 功công 畢tất 。 願nguyện 付phó 我ngã 等đẳng 。 持trì 賣mại 與dữ 婆Bà 羅La 門Môn 。   
'Bây giờ chúng tôi đã biên chép Kinh xong. Chúng tôi hy vọng cô vẫn còn giữ lời hứa của mình. Sau khi xem Kinh xong, xin cô hãy trao đôi mắt của mình để chúng tôi mang đi bán cho Phạm Chí.'  
  
爾nhĩ 時thời 顛Điên 倒Đảo 。 即tức 命mệnh 旃chiên 陀đà 羅la 者giả 。 汝nhữ 可khả 為vì 我ngã 。 剜oan 出xuất 眼nhãn 睛tình 。 當đương 令lệnh 四tứ 十thập 九cửu 人nhân 。 分phân 汝nhữ 一nhất 分phần 。   
Lúc bấy giờ người nữ Điên Đảo liền sai một kẻ làm nghề mổ giết để khoét đôi mắt của mình. Nàng cũng thỉnh cầu 49 người biên chép Kinh hãy chia một phần cho hắn.  
  
時thời 旃chiên 陀đà 羅la 。 依y 法pháp 欲dục 剜oan 。 四tứ 十thập 九cửu 人nhân 齊tề 唱xướng 言ngôn 。   
Kẻ làm nghề mổ giết tuân lệnh và khi sắp sửa khoét mắt nàng thì 49 người kia đều xướng lên rằng:  
  
希hy 有hữu 希hy 有hữu 。 不bất 可khả 思tư 議nghị 。 此thử 顛Điên 倒Đảo 女nữ 。 削tước 骨cốt 出xuất 血huyết 。 瘡sang 穢uế能năng 忍nhẫn 。 不bất 惜tích 身thân 命mạng 。 書thư 寫tả 此thử 經Kinh 。 我ngã 等đẳng 云vân 何hà 。 而nhi 取thủ 眼nhãn 睛tình 。   
'Hiếm có thay, hiếm có thay! Thật là chẳng thể nghĩ bàn! Vì muốn biên chép Kinh này, người nữ Điên Đảo này đây đã có thể nhẫn chịu đau đớn để chẻ xương làm bút và chích máu làm mực mà chẳng hề luyến tiếc thân mạng. Chúng tôi làm sao mà đành nỡ lấy đi đôi mắt của cô chứ?'  
  
以dĩ 慈từ 悲bi 心tâm 。 白bạch 顛Điên 倒Đảo 女nữ 言ngôn 。   
Rồi với lòng từ bi, họ bảo người nữ Điên Đảo rằng:  
  
我ngã 等đẳng 終chung 不bất 貪tham 汝nhữ 眼nhãn 睛tình 。 賣mại 婆Bà 羅La 門Môn 。 願nguyện 汝nhữ 得đắc 道Đạo 。 當đương 濟tế 度độ 我ngã 。   
'Chúng tôi không còn muốn bán đôi mắt của cô cho Phạm Chí nữa. Nhưng khi nào cô đắc Đạo thì xin hãy cứu độ chúng tôi.  
  
唯duy 願nguyện 我ngã 等đẳng 。 在tại 在tại 處xứ 處xứ 。 當đương 當đương 來lai 生sinh 。 常thường 得đắc 與dữ 汝nhữ 。 同đồng 共cộng 一nhất 處xứ 。 作tác 善Thiện 知Tri 識Thức 。 宣tuyên 說thuyết 是thị 經Kinh 。 救cứu 度độ 一nhất 切thiết 。 罪tội苦khổ 眾chúng 生sinh 。   
Xin nguyện chúng tôi đời đời sẽ luôn được sinh chung một nơi với cô để làm Thiện Tri Thức và cùng tuyên dương Kinh này để cứu độ hết thảy chúng sinh tội khổ.'

爾nhĩ 時thời 難Nan 陀Đà 龍Long 王Vương 等đẳng 。 以dĩ 大đại 威uy 力lực 。 作tác 諸chư 幻huyễn 術thuật 。 盜đạo 顛Điên 倒Đảo 經Kinh 。 於ư 龍long 宮cung 中trung 。 受thọ 持trì 供cúng 養dường 。   
Lúc bấy giờ Hỷ Lạc Long Vương dùng đại uy lực, ngài thi triển các huyễn thuật mà trộm lấy Kinh của người nữ Điên Đảo, rồi cất giữ chúng ở trong long cung để thọ trì và cúng dường.  
  
時thời 顛Điên 倒Đảo 女nữ 。 於ư 須tu 臾du 頃khoảnh 。 忽hốt 不bất 見kiến 經Kinh 。 流lưu 淚lệ 哽ngạnh 咽ế 。 而nhi 白bạch 佛Phật 言ngôn 。   
Chỉ trong khoảnh khắc, người nữ Điên Đảo bỗng hốt nhiên chẳng còn thấy Kinh nữa nên nàng nghẹn ngào rơi lệ mà thưa với Phật rằng:  
  
世Thế 尊Tôn 。 我ngã 所sở 碎toái 身thân 。 寫tả 長Trường 壽Thọ 經Kinh 。 欲dục 令linh 流lưu 布bố 。 一nhất 切thiết 眾chúng 生sinh 。 我ngã 今kim 忽hốt 然nhiên 。 不bất 知tri 所sở 在tại 。 我ngã 心tâm 悶muộn 濁trược 。 愁sầu 毒độc 難nan 忍nhẫn 。   
'Thưa Thế Tôn! Con đã xả bỏ thân mạng để biên chép Kinh Trường Thọ. Con chỉ mong sao Kinh này sẽ lưu truyền đến hết thảy chúng sinh. Bỗng nhiên bây giờ con không biết các Kinh đó ở đâu nữa. Lòng con giờ đây tràn đầy sầu muộn và nỗi thống khổ này thật khó mà nhẫn cho đành.'  
  
普Phổ 光Quang 如Như 來Lai 。 告cáo 顛Điên 倒Đảo 言ngôn 。   
Phổ Quang Như Lai bảo người nữ Điên Đảo rằng:  
  
汝nhữ 經Kinh 是thị 八bát 部bộ 龍long 王vương 。 請thỉnh 在tại 龍long 宮cung 。 受thọ 持trì 供cúng 養dường 。 汝nhữ 當đương歡hoan 喜hỷ 。 不bất 須tu 愁sầu 惱não 。   
'Kinh của con đã được long vương thỉnh xuống long cung để thọ trì và cúng dường. Con nên vui mừng và không cần phải ưu sầu.  
  
善thiện 哉tai 顛Điên 倒Đảo 。 汝nhữ 當đương 以dĩ 此thử 。 功công 德đức 力lực 故cố 。 盡tận 此thử 壽thọ 已dĩ 。 生sinh 於ư 無vô 色sắc 界giới 天thiên 。 受thọ 諸chư 快khoái 樂lạc 。 永vĩnh 不bất 更cánh 作tác 。 女nữ 人nhân 之chi 身thân 。   
Lành thay Điên Đảo! Do bởi năng lực từ công đức đó nên sau khi thọ mạng chấm dứt, con sẽ sinh về các tầng trời ở cõi vô sắc để thọ hưởng mọi điều vui sướng và vĩnh viễn sẽ không còn thọ thân nữ.'  
  
爾nhĩ 時thời 顛Điên 倒Đảo 女nữ 人nhân 。 白bạch 佛Phật 言ngôn 。   
Khi ấy người nữ Điên Đảo thưa với Phật rằng:  
  
世Thế 尊Tôn 。 我ngã 之chi 所sở 願nguyện 。 不bất 願nguyện 生sinh 天thiên 。 唯duy 願nguyện 生sinh 生sinh 世thế 世thế 。 常thường 遇ngộ 世Thế 尊Tôn 。 佛Phật 心tâm 不bất 退thoái 。 在tại 在tại 處xứ 處xứ 。 常thường 為vì 一nhất 切thiết 。 罪tội 苦khổ眾chúng 生sinh 。 宣tuyên 揚dương 此thử 法Pháp 。   
'Thưa Thế Tôn! Ước nguyện của con không phải muốn sinh lên trời. Con chỉ nguyện đời đời kiếp kiếp sẽ luôn được gặp Thế Tôn. Như thế, Đạo tâm sẽ không bao giờ thoái chuyển. Ở bất cứ nơi nào mà con đến, con sẽ luôn tuyên dương Pháp này cho hết thảy chúng sinh tội khổ.'  
  
普Phổ 光Quang 告cáo 言ngôn 。   
Phổ Quang Như Lai bảo rằng:  
  
汝nhữ 應ưng 妄vọng 語ngữ 。   
'Có phải con đang nói dối?'  
  
顛Điên 倒Đảo 又hựu 言ngôn 。   
Người nữ Điên Đảo lại thưa rằng:  
  
我ngã 若nhược 妄vọng 語ngữ 。 願nguyện 我ngã 依y 前tiền 。 無vô 常thường 鬼quỷ 逼bức 。 我ngã 若nhược 實thật 心tâm 。 願nguyện 我ngã 身thân 瘡sang 。 對đối 佛Phật 除trừ 愈dũ 。   
'Thưa Thế Tôn! Nếu con nói dối, xin hãy khiến con bị quỷ vô thường truy bắt như lúc trước. Nếu con thật lòng thì bây giờ ở trước Phật, xin hãy khiến vết thương của con được lành hẳn.'  
  
于vu 時thời 顛Điên 倒Đảo 。 以dĩ 誓thệ 願nguyện 力lực 。 平bình 復phục 如như 故cố 。   
Do bởi nguyện lực nên người nữ Điên Đảo liền lập tức được bình phục như cũ.

普Phổ 光Quang 如Như 來Lai 。 告cáo 顛Điên 倒Đảo 言ngôn 。   
Phổ Quang Như Lai lại bảo người nữ Điên Đảo rằng:  
  
汝nhữ 一nhất 心tâm 念niệm 佛Phật 。 從tùng 一nhất 佛Phật 國quốc 。 至chí 一nhất 佛Phật 國quốc 。 汝nhữ 即tức 能năng 見kiến。 無vô 量lượng 無vô 邊biên 。 諸chư 佛Phật 世thế 界giới 。 文văn 字tự 語ngữ 言ngôn 。 不bất 可khả 宣tuyên 說thuyết 。   
'Nếu nhất tâm niệm Phật thì con có thể du hành từ Phật độ này đến Phật độ khác. Con sẽ liền có thể thấy vô lượng vô biên thế giới của chư Phật và cũng như thông hiểu bất khả thuyết văn tự ngữ ngôn ở nơi đó.'  
  
爾nhĩ 時thời 顛Điên 倒Đảo 。 於ư 須tu 臾du 閒gian 。 得đắc 無Vô 生Sinh 法Pháp 忍Nhẫn 三Tam 藐Miệu 三Tam 菩Bồ 提Đề 心tâm。   
Lúc bấy giờ chỉ ở trong một thoáng chốc, người nữ Điên Đảo liền đắc Vô Sinh Pháp Nhẫn của Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác.  
  
文Văn 殊Thù 當đương 知tri 。 普Phổ 光Quang 如Như 來Lai 。 我ngã 身thân 是thị 也dã 。 顛Điên 倒Đảo 女nữ 人nhân 。 汝nhữ 身thân 是thị 也dã 。 四tứ 十thập 九cửu 人nhân 。 新tân 發phát 意ý 菩Bồ 薩Tát 是thị 也dã 。   
Này Diệu Cát Tường! Nên biết rằng, Phổ Quang Như Lai lúc ấy chính là tiền thân của Ta. Người nữ Điên Đảo chính là tiền thân của ông đó. Còn 49 người biên chép Kinh thuở đó, nay chính là 49 vị sơ phát tâm Bồ-tát đây vậy.  
  
我ngã 於ư 無vô 量lượng 曠khoáng 劫kiếp 已dĩ 來lai 。 常thường 以dĩ 護hộ 身thân 。 常thường 與dữ 汝nhữ 等đẳng 。 宣tuyên 說thuyết 此thử 經Kinh 。 令linh 一nhất 切thiết 眾chúng 生sinh 。 所sở 有hữu 惡ác 業nghiệp 。 聞văn 此thử 長Trường 壽Thọ 命Mạng 經Kinh 。 半bán 偈kệ 於ư 耳nhĩ 。 皆giai 得đắc 消tiêu 滅diệt 。 今kim 又hựu 更cánh 說thuyết 。   
Từ vô lượng kiếp đến nay, Ta luôn tuyên giảng Kinh này cho các ông và Pháp hộ thân để khiến cho hết thảy chúng sinh nào đã gây tạo nghiệp ác, dẫu họ chỉ nghe được nửa bài kệ trong Kinh Trường Thọ, thì thảy đều được tiêu trừ. Huống chi là nay Ta còn thuyết giảng thêm một lần nữa."

爾nhĩ 時thời 波Ba 斯Tư 匿Nặc 王Vương 。 於ư 其kỳ 夜dạ 分phân 。 在tại 王vương 宮cung 中trung 。 聞văn 有hữu 女nữ 人nhân。 高cao 聲thanh 號hào 哭khốc 。 哀ai 慟đỗng 難nan 忍nhẫn 。 悲bi 不bất 自tự 勝thắng 。   
Lúc bấy giờ vua Thắng Quân đang ở trong vương cung. Bỗng vào khoảng nửa đêm, ngài nghe có tiếng của một người đàn bà kêu gào khóc lóc. Tiếng gào khóc bi ai thảm thiết của bà khó ai kiềm lòng cho được.  
  
而nhi 自tự 念niệm 言ngôn 。   
Nhà vua tự nghĩ thầm:  
  
我ngã 之chi 深thâm 宮cung 。 曾tằng 無vô 是thị 事sự 。 何hà 故cố 有hữu 是thị 。 哀ai 屈khuất 之chi 聲thanh 。   
"Trong thâm cung của ta chưa từng có việc này. Tại sao lại có tiếng bi ai như thế?"  
  
於ư 晨thần 朝triêu 時thời 。 即tức 敕sắc 所sở 司ty 。 往vãng 城thành 衢cù 路lộ 。 尋tầm 求cầu 此thử 女nữ 。 使sứ 奉phụng 王vương 敕sắc 。 尋tầm 得đắc 將tương 來lai 。 其kỳ 女nữ 驚kinh 愕ngạc 。 悶muộn 絕tuyệt 王vương 前tiền 。 王vương 以dĩ 冷lãnh水thủy 。 而nhi 洒sái 其kỳ 面diện 。 漸tiệm 漸tiệm 得đắc 穌tô 。   
Vào sáng sớm hôm sau, ngài lập tức sai người đến khắp mọi nẻo đường trong thành để tìm cho ra người đàn bà đó. Sứ giả tiếp lĩnh sắc lệnh của quốc vương, họ tìm được và mang về. Khi người đàn bà ấy thấy quốc vương, bà hốt hoảng và xỉu ngay tại chỗ. Sau đó, nhà vua sai người xối nước lạnh vào mặt và dần dần thì bà tỉnh dậy.  
  
大đại 王vương 問vấn 言ngôn 。   
Nhà vua hỏi rằng:  
  
昨tạc 夜dạ 嗁đề 哭khốc 。 審thẩm 是thị 汝nhữ 不phủ 。   
"Tối qua có tiếng kêu khóc. Có phải là ngươi không?"  
  
女nữ 人nhân 答đáp 言ngôn 。   
Người đàn bà đó thưa rằng:  
  
是thị 我ngã 悲bi 耳nhĩ 。   
"Dạ thưa chính là thảo dân!"  
  
王vương 曰viết 。   
Nhà vua hỏi rằng:  
  
何hà 故cố 怨oán 哭khốc 。 誰thùy 之chi 屈khuất 汝nhữ 。   
"Tại sao ngươi lại khóc lóc thảm thiết như thế? Ai đã ức hiếp ngươi?"  
  
女nữ 人nhân 答đáp 言ngôn 。   
Người đàn bà đó thưa rằng:  
  
我ngã 之chi 所sở 恨hận 。 實thật 無vô 人nhân 屈khuất 。 唯duy 願nguyện 大đại 王vương 。 聽thính 我ngã 所sở 說thuyết 。   
"Tâu đại vương! Nỗi uất hận của con thật không có ai ức hiếp cả. Kính mong đại vương hãy nghe lời nói của thảo dân.  
  
我ngã 秊niên 十thập 四tứ 。 適thích 於ư 夫phu 家gia 。 經kinh 三tam 十thập 秊niên 。 生sinh 三tam 十thập 子tử 。 顏nhan 容dung 殊thù 妙diệu 。 頭đầu 紺cám 青thanh 色sắc 。 脣thần 赤xích 如như 朱chu 。 齒xỉ 白bạch 如như 玉ngọc 。 身thân 體thể 盛thịnh 愛ái 。 如như 春xuân 中trung 花hoa 。   
Con xuất giá theo chồng lúc con mới 14 tuổi. Trải qua 30 năm, thảo dân đã sinh được 30 đứa con. Dung nhan của chúng thù diệu, gương mặt hồng hào, môi đỏ như son, và răng trắng như ngọc. Chúng rất đáng yêu và xinh tươi như hoa giữa mùa xuân.  
  
我ngã 之chi 戀luyến 惜tích 。 猶do 如như 髓tủy 腦não 。 亦diệc 如như 肝can 腸tràng 。 甚thậm 於ư 性tính 命mạng 。 此thử 子tử長trưởng 大đại 。 不bất 過quá 一nhất 歲tuế 。 於ư 秋thu 夏hạ 時thời 。 便tiện 棄khí 我ngã 死tử 。   
Con thương yêu chúng như xương, như não, và cũng như ruột gan của mình. Thậm chí con quý chúng còn hơn tính mạng của mình nữa. Nhưng khi chúng vừa chớm lớn và còn chưa đầy một tuổi, thì khoảng vào mùa hè hoặc mùa thu, thì chúng liền bỏ con mà chết.  
  
其kỳ 最tối 後hậu 兒nhi 。 甚thậm 是thị 我ngã 命mạng 。 今kim 現hiện 垂thùy 困khốn 。 命mạng 將tương 欲dục 終chung 。 我ngã 昨tạc 夜dạ 號hào 哭khốc 。 因nhân 此thử 悲bi 耳nhĩ 。   
Bây giờ chỉ còn lại một đứa cuối cùng. Nó là mạng sống của con, nhưng hiện giờ nó trông ủ rũ. Con e rằng nó cũng sắp ra đi. Đó là nguyên nhân mà vì sao tối qua con đã khóc than."  
  
爾nhĩ 時thời 大đại 王vương 。 聞văn 此thử 語ngữ 已dĩ 。 深thâm 大đại 愁sầu 惱não 。   
Khi nghe lời ấy xong, nhà vua rất ư sầu não và tự nghĩ thầm:  
  
所sở 有hữu 百bá 姓tánh 。 依y 因nhân 於ư 我ngã 。 若nhược 不bất 救cứu 護hộ 。 非phi 名danh 國quốc 王vương 。   
"Tất cả bá tính đều trông cậy nơi ta. Nếu ta không thể cứu giúp họ thì ta không gọi là vua."

即tức 集tập 羣quần 臣thần 。 共cộng 相tương 論luận 議nghị 。   
Thế là ngài liền triệu tập quần thần và cùng họ thảo luận.  
  
王vương 有hữu 六lục 臣thần 。   
Nhà vua có sáu vị đại thần:  
  
一nhất 名danh 見Kiến 色Sắc 。 二nhị 名danh 聞Văn 聲Thanh 。 三tam 名danh 香Hương 足Túc 。 四tứ 名danh 辯Biện 才Tài 。 五ngũ 名danh 隨Tùy 緣Duyên 。 六lục 名danh 易Dị 染Nhiễm 。   
- Vị thứ nhất tên là Kiến Sắc.  
- Vị thứ nhì tên là Văn Thanh.  
- Vị thứ ba tên là Hương Túc.  
- Vị thứ tư tên là Biện Tài.  
- Vị thứ năm tên là Tùy Duyên.  
- Vị thứ sáu tên là Dị Nhiễm.  
  
而nhi 白bạch 王vương 言ngôn 。   
Sáu vị đại thần này cùng tâu với nhà vua rằng:  
  
童đồng 子tử 初sơ 生sinh 。 當đương 作tác 七thất 星tinh 。 二nhị 十thập 八bát 宿tú 。 神thần 壇đàn 延diên 命mạng 。 方phương免miễn 斯tư 苦khổ 。 唯duy 願nguyện 大đại 王vương 。 告cáo 敕sắc 天thiên 下hạ 。   
"Tâu đại vương! Khi em bé mới chào đời thì nên lập đàn thất tinh và nhị thập bát tú để kéo dài thọ mạng, như thế em bé sẽ không bị chết yểu. Kính mong đại vương hãy tuyên cáo phương pháp này đến khắp thiên hạ."  
  
爾nhĩ 時thời 有hữu 一nhất 智trí 臣thần 。 曾tằng 於ư 無vô 量lượng 佛Phật 所sở 。 種chúng 諸chư 善thiện 根căn 。 名danh 曰viết定Định 慧Tuệ 。   
Khi ấy có một vị đại thần tài trí, đã từng gieo trồng các thiện căn nơi vô lượng chư Phật, tên là Định Tuệ.  
  
前tiền 白bạch 大đại 王vương 。   
Ngài đến trước nhà vua và tâu rằng:  
  
大đại 王vương 當đương 知tri 。 六lục 臣thần 所sở 言ngôn 。 非phi 能năng 免miễn 苦khổ 。   
"Tâu đại vương! Đại vương nên biết rằng, phương pháp của sáu vị đại thần đều không thể giúp em bé thoát miễn chết yểu.  
  
今kim 有hữu 大đại 師sư 。 字tự 瞿Cù 曇Đàm 氏Thị 。 號hiệu 悉Tất 達Đạt 多Đa 。 無vô 師sư 自tự 悟ngộ 。 今kim 得đắc 成thành佛Phật 。 在tại 耆Kỳ 闍Xà 崛Quật 山Sơn 。 說thuyết 長Trường 壽Thọ 經Kinh 。 唯duy 願nguyện 大đại 王vương 。 往vãng 彼bỉ 聽thính 受thọ 。   
Hiện tại có một vị đại sư, họ là Gautama [gâu ta ma], tên là Nhất Thiết Nghĩa Thành, là bậc vô sư tự ngộ. Bây giờ Ngài đã thành Phật và đang thuyết Kinh Trường Thọ ở tại núi Thứu Phong. Kính mong đại vương hãy đến nơi đó để nghe.  
  
若nhược 聞văn 此thử 經Kinh 。 半bán 偈kệ 於ư 耳nhĩ 。 百bách 劫kiếp 千thiên 生sinh 。 所sở 有hữu 重trọng 罪tội 。 無vô 不bất消tiêu 滅diệt 。 一nhất 切thiết 童đồng 子tử 。 聞văn 經Kinh 於ư 耳nhĩ 。 雖tuy 未vị 悟ngộ 解giải 。 以dĩ 經Kinh 功công 德đức 。 自tự 然nhiên 長trường 壽thọ 。   
Nếu ai nghe được nửa câu kệ của Kinh này thì hết thảy trọng tội mà họ đã tạo suốt trăm nghìn kiếp sinh tử đều sẽ tiêu diệt. Tất cả những đứa trẻ nào nghe được Kinh này, mặc dầu chúng không hiểu nghĩa lý, nhưng do bởi công đức của Kinh này nên chúng sẽ tự nhiên trường thọ."  
  
波Ba 斯Tư 匿Nặc 言ngôn 。   
Vua Thắng Quân nói rằng:  
  
我ngã 昔tích 曾tằng 聞văn 。 六lục 師sư 所sở 言ngôn 。 瞿Cù 曇Đàm 沙Sa 門Môn 。 學học 日nhật 淺thiển 薄bạc 。 黃hoàng 頷hạm 小tiểu 兒nhi 。 其kỳ 秊niên 幼ấu 稺trĩ 。 六lục 師sư 經kinh 中trung 。 妖yêu 祥tường 幻huyễn 化hóa 。 瞿Cù 曇Đàm 是thị 也dã 。 若nhược 有hữu 崇sùng 者giả 。 多đa 失thất 正Chính 道Đạo 。   
"Trẫm đã từng nghe sáu vị đại sư nói là tài học của Đạo nhân Gautama kém cỏi, chỉ là đứa con nít, tuổi tác non nớt. Theo luận thuyết của sáu vị đại sư thì Đạo nhân Gautama dùng yêu thuật huyễn hóa. Nếu ai tôn sùng thì đa số là họ sẽ mất Chính Đạo."

爾nhĩ 時thời 定Định 慧Tuệ 。 以dĩ 偈kệ 白bạch 王vương 。   
Lúc bấy giờ Đại thần Định Tuệ dùng kệ thưa với nhà vua rằng:  
  
釋Thích 迦Ca 牟Mâu 尼Ni 天Thiên 人Nhân 師Sư 。  
曾tằng 於ư 無vô 量lượng 劫kiếp 苦khổ 行hạnh 。  
今kim 得đắc 成thành 佛Phật 轉chuyển 法Pháp 輪luân 。  
還hoàn 依y 過quá 去khứ 諸chư 佛Phật 說thuyết 。  
  
"Năng Nhân Tịch Tĩnh Thiên Nhân Sư  
Trong vô lượng kiếp tu khổ hạnh  
Nay được thành Phật chuyển Pháp luân  
Tuyên lại quá khứ lời chư Phật  
  
不bất 違vi 一nhất 切thiết 眾chúng 生sinh 願nguyện 。  
慈từ 悲bi 大đại 力lực 救cứu 羣quần 迷mê 。  
見kiến 佛Phật 如như 龜quy 值trị 浮phù 木mộc 。  
亦diệc 如như 最tối 妙diệu 優ưu 曇đàm 花hoa 。  
  
Chẳng trái hết thảy chúng sinh nguyện  
Sức đại từ bi cứu quần mê  
Thấy Phật như rùa gặp gỗ trôi  
Cũng như linh thụy tối diệu hoa  
  
唯duy 願nguyện 大đại 王vương 往vãng 聽thính 法Pháp 。  
不bất 信tín 外ngoại 道đạo 六lục 師sư 言ngôn 。  
  
Kính mong đại vương đến nghe Pháp  
Đừng tin ngoại đạo lục sư ngôn"  
  
爾nhĩ 時thời 定Định 慧Tuệ 。 說thuyết 是thị 偈kệ 已dĩ 。 以dĩ 神thần 通thông 力lực 。 從tùng 地địa 踊dũng 上thượng 。 昇thăng於ư 虗hư 空không 。 高cao 七thất 多đa 羅la 樹thụ 。 即tức 於ư 王vương 前tiền 。 作tác 諸chư 咒chú 術thuật 。 於ư 一nhất 念niệm 頃khoảnh 。 令linh 須Tu 彌Di 山Sơn 。 及cập 大đại 海hải 水thủy 。 入nhập 於ư 心tâm 中trung 。 安an 然nhiên 無vô 礙ngại。   
Khi nói bài kệ này xong, Đại thần Định Tuệ dùng sức thần thông, ngài từ dưới đất thăng vọt lên hư không với độ cao bằng bảy cây cọ. Ngài liền ở trước nhà vua mà đọc các chú thuật. Và chỉ trong thời gian của một niệm, Đại thần Định Tuệ khiến núi Diệu Cao cùng nước của các biển cả vào trong tim ngài mà thân thể vẫn an nhiên vô ngại.  
  
波Ba 斯Tư 匿Nặc 王Vương 。 見kiến 是thị 事sự 已dĩ 。 歎thán 言ngôn 希hy 有hữu 。 真chân 善Thiện 知Tri 識Thức 。   
Khi vua Thắng Quân thấy việc này, nhà vua khen thật hiếm có và biết ngay là Thiện Tri Thức chân chính.  
  
前tiền 禮lễ 定Định 慧Tuệ 。 白bạch 定Định 慧Tuệ 言ngôn 。   
Rồi ngài đỉnh lễ ở trước Đại thần Định Tuệ và hỏi rằng:  
  
汝nhữ 師sư 是thị 誰thùy 。   
"Thầy của thần là ai?"  
  
定Định 慧Tuệ 答đáp 言ngôn 。   
Đại thần Định Tuệ tâu rằng:  
  
我ngã 師sư 是thị 釋Thích 迦Ca 牟Mâu 尼Ni 佛Phật 。 今kim 現hiện 在tại 王Vương 舍Xá 大Đại 城Thành 。 耆Kỳ 闍Xà 崛Quật 山Sơn。 說thuyết 長Trường 壽Thọ 滅Diệt 罪Tội 經Kinh 。   
"Tâu đại vương! Thầy của vi thần là Đức Phật Năng Nhân Tịch Tĩnh. Bây giờ Ngài đang thuyết Kinh Trường Thọ Diệt Tội ở trên núi Thứu Phong gần Đại thành Vương Xá."

王vương 聞văn 此thử 語ngữ 。 心tâm 大đại 歡hoan 喜hỷ 。 即tức 以dĩ 國quốc 事sự 。 暫tạm 委ủy 定Định 慧Tuệ 。 與dữ 無vô 量lượng 眷quyến 屬thuộc 。 大đại 臣thần 長trưởng 者giả 。 駟tứ 馬mã 寶bảo 車xa 。 前tiền 後hậu 圍vi 遶nhiễu 。 并tinh 此thử 女nữ 人nhân 。 及cập 其kỳ 童đồng 子tử 。 齎tê 持trì 花hoa 鬘man 。 百bách 種chủng 供cúng 養dường 。 至chí 王Vương 舍Xá 城Thành 。 耆Kỳ 闍Xà 崛Quật 山Sơn 中trung 。 除trừ 諸chư 儀nghi 飾sức 。 遶nhiễu 佛Phật 七thất 帀táp 。 合hợp 掌chưởng 頂đỉnh禮lễ 。 散tán 花hoa 供cúng 養dường 。 具cụ 以dĩ 上thượng 事sự 。 而nhi 白bạch 佛Phật 言ngôn 。   
Sau khi nghe xong, nhà vua rất vui mừng. Ngài liền tạm ủy thác quốc sự cho Đại thần Định Tuệ, rồi với vô lượng quyến thuộc, đại thần, và trưởng giả cùng đi lên núi Thứu Phong gần thành Vương Xá. Ở trước và phía sau của những cỗ xe báu với bốn ngựa của nhà vua có cung nữ với đồng bộc cầm theo tràng hoa và hàng trăm loại phẩm vật cúng dường. Khi đến nơi, họ cởi các trang sức trên mình xuống, đi nhiễu Phật bảy vòng, rồi chắp tay đỉnh lễ và rải hoa cúng dường. Tiếp đến, nhà vua thưa rõ sự việc trên với Đức Phật.  
  
爾nhĩ 時thời 世Thế 尊Tôn 。 告cáo 波Ba 斯Tư 匿Nặc 王Vương 。   
Lúc bấy giờ Thế Tôn bảo vua Thắng Quân:  
  
此thử 女nữ 人nhân 者giả 。 於ư 過quá 去khứ 世thế 時thời 。 身thân 為vi 後hậu 母mẫu 。 心tâm 生sinh 嫉tật 妒đố 。 和hòa 合hợp 毒độc 藥dược 。 殺sát 前tiền 妻thê 兒nhi 。 三tam 十thập 之chi 子tử 。   
"Vào thuở quá khứ, người nữ này đã từng làm mẹ kế. Bởi lòng ganh tị, bà dùng thuốc độc giết chết 30 đứa con của người vợ trước.  
  
此thử 子tử 被bị 殺sát 。 各các 發phát 誓thệ 言ngôn 。   
Những đứa con bị giết đó đều thề rằng:  
  
願nguyện 我ngã 生sinh 生sinh 世thế 世thế 。 常thường 作tác 其kỳ 子tử 。 便tiện 即tức 分phân 離ly 。 令linh 其kỳ 苦khổ 切thiết。 生sinh 大đại 悲bi 痛thống 。   
'Ta nguyện đời đời kiếp kiếp luôn sinh làm con của bà ấy, rồi sẽ liền chết yểu để khiến bà khổ xiết và đau đớn thảm thiết.'  
  
時thời 此thử 女nữ 人nhân 。 今kim 來lai 得đắc 聞văn 我ngã 說thuyết 。 長Trường 壽Thọ 命Mạng 經Kinh 。 一nhất 偈kệ 於ư 耳nhĩ。 怨oán 家gia 債trái 主chủ 。 從tùng 斯tư 永vĩnh 絕tuyệt 。   
Nhưng bây giờ người nữ này đã tới đây nghe Ta giảng Kinh Trường Thọ, dẫu chỉ nghe được một bài kệ thì oan gia trái chủ sẽ từ đây vĩnh tuyệt."

爾nhĩ 時thời 世Thế 尊Tôn 。 告cáo 諸chư 大đại 眾chúng 。   
Lúc bấy giờ Thế Tôn bảo các đại chúng:  
  
童đồng 子tử 受thọ 胎thai 。 魔Ma 王vương 波Ba 旬Tuần 。 即tức 放phóng 四tứ 大đại 毒độc 蛇xà 。 六lục 塵trần 惡ác 賊tặc 。 止chỉ 住trú 其kỳ 身thân 。 若nhược 一nhất 不bất 調điều 。 命mạng 根căn 即tức 斷đoạn 。 我ngã 有hữu 陀đà 羅la 尼ni 咒chú 。 善thiện 能năng 增tăng 益ích 。 諸chư 童đồng 子tử 壽thọ 。 若nhược 有hữu 患hoạn 苦khổ 。 聞văn 我ngã 此thử 咒chú 。 一nhất 經kinh 於ư 耳nhĩ 。 無vô 不bất 除trừ 差sái 。 能năng 令linh 惡ác 鬼quỷ 。 四tứ 散tán 馳trì 走tẩu 。   
"Khi người mẹ có thai, Ma vương Ác Giả liền phóng rắn độc của bốn đại và ác tặc của sáu trần vào ở trong thai nhi. Nếu bất cứ một thứ nào ở trên không điều hòa thì mạng căn liền đứt. Ta có một thần chú, khéo có thể giúp tăng thêm thọ mạng của em bé. Nếu đứa bé nào bị bệnh hoạn khốn khổ, một khi nghe chú này của Ta qua lỗ tai, thì không gì là chẳng lành. Ngoài ra, chú này còn có thể khiến ác quỷ tháo chạy biệt tăm."  
  
即tức 說thuyết 咒chú 曰viết 。   
Chú thuyết như vầy:  
  
波ba 頭đầu 彌di 。 波ba 頭đầu 彌di 提đề 婢tỳ 。 奚hề 尼ni 。 奚hề 尼ni 。 奚hề 彌di 。 諸chư 棃lê 。 諸chư 羅la 。 諸chư 麗lệ 。 矦hầu 羅la 。 矦hầu 羅la 。 由do 麗lệ 。 由do 羅la 。 由do 麗lệ 。 波ba 羅la 。 波ba 麗lệ 聞văn 。 制chế 瞋sân 。 迭điệt 頻tần 迭điệt 。 般bàn 逝thệ 。 末mạt 迭điệt 。 遲trì 那na 迦ca 棃lê 。 蘇tô 波ba 訶ha 。   
|| bách mi, bách mi - đe vi, cờ si ni, cờ si ni, cờ se min, chu re, chu ra, chu ri, hu ra, hu ra, du ri, du ra, du ri, ba ra, ba ri - mun cha, chi đe, bi đe, ban che, ma the, chi đa - ca re, sờ qua ha ||  
|  
|| padmi padmi-devī kṣīni kṣīni kṣemin, jūre jūra jūrī, hūrā hūrā, yu rī, yu ra, yu rī, para pari-muñca, chide bhide bhañje māthe chida-kare svāhā ||  
  
佛Phật 言ngôn 。   
Đức Phật bảo:  
  
是thị 陀đà 羅la 尼ni 咒chú 文văn 句cú 。 若nhược 善thiện 男nam 子tử 善thiện 女nữ 人nhân 。 受thọ 持trì 讀độc 誦tụng 。 為vì 一nhất 切thiết 受thọ 胎thai 出xuất 胎thai 。 病bệnh 患hoạn 童đồng 子tử 。 之chi 所sở 演diễn 說thuyết 。 七thất 日nhật 七thất 夜dạ。 燒thiêu 香hương 散tán 花hoa 。 書thư 寫tả 供cúng 養dường 。 至chí 心tâm 聽thính 受thọ 。 所sở 有hữu 重trọng 病bệnh 。 前tiền 身thân 業nghiệp 障chướng 。 皆giai 得đắc 消tiêu 滅diệt 。   
"Nếu có thiện nam tử hoặc thiện nữ nhân nào thọ trì đọc tụng thần chú này, như họ muốn tụng chú này cho em bé đang ở trong bào thai, hoặc cho em bé đã sinh rồi, hay cho các em bé mắc bệnh, thì trong bảy ngày bảy đêm hãy thắp hương rải hoa, biên chép Kinh này để cúng dường, và chí tâm tín thọ, thì tất cả trọng bệnh cùng nghiệp chướng ở đời trước của chúng đều sẽ được tiêu trừ."

爾nhĩ 時thời 醫y 王vương 菩Bồ 薩Tát 。 名danh 曰viết 耆Kỳ 婆Bà 。 前tiền 白bạch 佛Phật 言ngôn 。   
Lúc bấy giờ có y vương Bồ-tát tên là Cố Hoạt, ngài đến trước Phật và bạch rằng:  
  
世Thế 尊Tôn 。 我ngã 為vi 大đại 醫y 。 療liệu 治trị 眾chúng 病bệnh 。 諸chư 小tiểu 童đồng 子tử 。 有hữu 九cửu 種chủng 病bệnh。 能năng 短đoản 其kỳ 命mạng 。 何hà 者giả 為vi 九cửu 。   
"Bạch Thế Tôn! Con làm đại y vương và có thể chữa trị mọi chứng bệnh. Các trẻ nít có chín loại bệnh khiến chúng có thể bị chết yểu. Những gì là chín?  
  
一nhất 者giả 。 父phụ 母mẫu 非phi 時thời 。 行hành 於ư 房phòng 室thất 。   
*1.* Cha mẹ phi thời hành dục.  
  
二nhị 者giả 。 初sơ 產sản 令linh 血huyết 穢uế 地địa 。 地địa 神thần 不bất 居cư 。 惡ác 鬼quỷ 得đắc 便tiện 。   
*2.* Nơi sinh nở có máu chảy ô uế trên đất, khiến địa thần không chịu ở nên ác quỷ thừa cơ đột nhập.  
  
三tam 者giả 。 初sơ 產sản 不bất 去khứ 。 臍tề 閒gian 諸chư 小tiểu 毒độc 蟲trùng 。   
*3.* Lúc sinh nở, rốn của em bé do không khử trùng đàng hoàng nên bị nhiễm vi khuẩn.  
  
四tứ 者giả 。 不bất 以dĩ 兜đâu 羅la 輭nhuyễn 綿miên 。 拭thức 其kỳ 胎thai 中trung 穢uế 血huyết 。   
*4.* Lúc sinh nở đã không dùng bông gòn thấm thuốc khử trùng để lau sạch máu dơ từ bào thai bọc em bé.  
  
五ngũ 者giả 。 殺sát 生sinh 害hại 命mạng 。 而nhi 為vi 歡hoan 宴yến 。   
*5.* Giết hại động vật để mở tiệc ăn mừng.  
  
六lục 者giả 。 其kỳ 母mẫu 食thực 一nhất 切thiết 。 諸chư 襍tập 冷lãnh 果quả 。   
*6.* Khi mang thai hoặc lúc cho em bé bú, người mẹ ăn tạp nhạp những quả trái cây lạnh.  
  
七thất 者giả 。 童đồng 子tử 有hữu 病bệnh 。 餧ủy 其kỳ 襍tập 肉nhục 。   
*7.* Khi em bé mắc bệnh, chúng được cho ăn với các loại thịt hỗn tạp.  
  
八bát 者giả 。 初sơ 產sản 子tử 母mẫu 未vị 分phân 。 令linh 諸chư 不bất 祥tường 。 見kiến 產sản 生sinh 處xứ 。 未vị 分phân 解giải 者giả 。 能năng 令linh 母mẫu 死tử 。 已dĩ 分phân 解giải 者giả 。 令linh 童đồng 子tử 死tử 。   
*8.* Đương lúc sinh nở, điềm chẳng lành xuất hiện tại chỗ sinh. Nếu dây rốn vẫn còn dính vào người mẹ, thì người mẹ sẽ có thể bị chết. Nếu dây rốn đã cắt rồi, thì sẽ khiến em bé bị chết.  
  
何hà 謂vị 不bất 祥tường 。 若nhược 有hữu 人nhân 眼nhãn 。 見kiến 一nhất 切thiết 死tử 屍thi 。 及cập 諸chư 變biến 怪quái 。 眼nhãn 不bất 淨tịnh 故cố 。 名danh 曰viết 不bất 祥tường 。 若nhược 以dĩ 牛ngưu 黃hoàng 。 真chân 珠châu 。 光quang 明minh 砂sa 。 蜜mật 末mạt 微vi 塵trần 。 定định 童đồng 子tử 心tâm 。 能năng 免miễn 不bất 祥tường 。   
Thế nào là điềm chẳng lành? Mắt con người có thể thấy tất cả những loại xác chết và các điều quái dị. Do bởi mắt thấy những điều bất tịnh cho nên gọi là điềm chẳng lành. Nếu lấy ngưu hoàng, trân châu, và cát trắng tinh mang đi nghiền nát, rồi trộn với mật ong và cho em bé dùng, thì sẽ định tâm của em bé và có thể thoát miễn việc không cát tường.  
  
九cửu 者giả 。 夜dạ 行hành 被bị 惡ác 鬼quỷ 打đả 之chi 。   
*9.* Khi dẫn em bé đi vào buổi tối, chúng bị ác quỷ đánh đập.  
  
一nhất 切thiết 童đồng 子tử 。 若nhược 能năng 慎thận 是thị 九cửu 事sự 。 終chung 不bất 至chí 死tử 。   
Nếu có thể thận trọng chín việc này cho tất cả em bé thì chúng sẽ không bị chết yểu."

爾nhĩ 時thời 天Thiên 魔ma 波Ba 旬Tuần 。 有hữu 佗Tha 心Tâm 智Trí 。 在tại 魔ma 宮cung 中trung 。 知tri 佛Phật 說thuyết 此thử長Trường 壽Thọ 滅Diệt 罪Tội 護Hộ 諸Chư 童Đồng 子Tử 陀Đà 羅La 尼Ni 咒Chú 。 心tâm 大đại 忿phẫn 怒nộ 。 發phát 大đại 惡ác聲thanh 。 愁sầu 憂ưu 不bất 樂lạc 。   
Giữa lúc bấy giờ, Thiên ma Ác Giả ở trong ma cung, do cũng có Tha Tâm Thông nên thiên ma biết Đức Phật đang thuyết Kinh Trường Thọ Diệt Tội và Thần Chú Bảo Hộ Các Em Bé cho đại chúng, thế nên thiên ma sinh lòng phẫn nộ dữ dội, rồi thét ra tiếng ác vang dội, ưu sầu không vui.  
  
魔ma 有hữu 三tam 女nữ 。 前tiền 白bạch 父phụ 王vương 。   
Khi ấy ba con gái của thiên ma đến trước phụ vương thưa rằng:  
  
未vị 審thẩm 大đại 王vương 。 何hà 故cố 愁sầu 惱não 。   
"Thưa đại vương! Vì sao cha lại ưu sầu khổ não như thế?"  
  
父phụ 王vương 答đáp 言ngôn 。   
Ma vương đáp rằng:  
  
瞿Cù 曇Đàm 沙Sa 門Môn 。 今kim 在tại 王Vương 舍Xá 大Đại 城Thành 。 耆Kỳ 闍Xà 崛Quật 山Sơn 。 為vì 無vô 量lượng 無vô 邊biên 眾chúng 生sinh 。 說thuyết 長Trường 壽Thọ 經Kinh 。 流lưu 布bố 一nhất 切thiết 眾chúng 生sinh 。 得đắc 長trường 壽thọ 樂lạc 。 侵xâm 我ngã 境cảnh 界giới 。 我ngã 惡ác 心tâm 起khởi 。   
"Hiện giờ Đạo nhân Gautama đang thuyết Kinh Trường Thọ cho vô lượng vô biên chúng sinh ở trên núi Thứu Phong gần thành Vương Xá. Đạo nhân Gautama muốn lưu truyền Kinh này đến hết thảy chúng sinh để họ trường thọ an vui. Ông ấy đang xâm phạm cảnh giới của cha nên khiến cha khởi sinh lòng tà ác.  
  
我ngã 令lệnh 欲dục 將tương 。 諸chư 眷quyến 屬thuộc 等đẳng 。 一nhất 切thiết 魔ma 兵binh 。 而nhi 往vãng 討thảo 之chi 。 縱túng 使sử 不bất 能năng 。 止chỉ 得đắc 瞿Cù 曇Đàm 。 我ngã 今kim 威uy 力lực 。 止chỉ 塞tắc 諸chư 天thiên 。 及cập 大đại 眾chúng 耳nhĩ 。 不bất 令linh 聞văn 佛Phật 說thuyết 。 長Trường 壽Thọ 經Kinh 。   
Cha bây giờ muốn thống lĩnh các hàng quyến thuộc cùng tất cả ma binh để đến chiến đấu. Dẫu cho là không thể cản trở Đạo nhân Gautama, thì cha cũng sẽ dùng uy lực mà bịt tai của chư thiên và đại chúng lại, để khiến họ không thể nghe Phật giảng Kinh Trường Thọ."  
  
時thời 魔ma 三tam 女nữ 。 以dĩ 偈kệ 諫gián 父phụ 。   
Khi ấy ba con gái của ma vương dùng kệ can ngăn phụ vương:  
  
天Thiên 魔ma 波Ba 旬Tuần 有hữu 三tam 女nữ 。  
稽khể 首thủ 前tiền 白bạch 父phụ 王vương 言ngôn 。  
  
"Thiên ma Ác Giả có ba con gái  
Đến trước phụ vương cúi đầu thưa rằng  
  
瞿Cù 曇Đàm 沙Sa 門Môn 天Thiên 人Nhân 師Sư 。  
非phi 是thị 魔ma 力lực 能năng 禁cấm 止chỉ 。  
  
Đạo nhân Gautama Thiên Nhân Sư  
Chẳng phải ma lực có thể cấm ngăn  
  
昔tích 日nhật 在tại 於ư 菩Bồ 提Đề 樹thụ 。  
初sơ 坐tọa 吉Cát 祥Tường 法Pháp 座Tòa 時thời 。  
我ngã 等đẳng 三tam 女nữ 巧xảo 㛹tiện 妍nghiên 。  
  
Ngày xưa Phật ở dưới cội Đạo thụ  
Khi vừa ngồi lên Pháp tòa Cát Tường  
Ba chúng con đây khêu gợi sắc đẹp  
  
諸chư 天thiên 女nữ 中trung 為vi 第đệ 一nhất 。  
百bách 種chủng 姿tư 熊hùng 擬nghĩ 欲dục 之chi 。  
菩Bồ 薩Tát 都đô 無vô 染nhiễm 著trước 意ý 。  
觀quán 我ngã 三tam 女nữ 如như 老lão 姥lao 。  
今kim 成thành 正chính 覺giác 菩Bồ 提Đề 師sư 。  
  
Trong hàng thiên nữ chúng con đẹp nhất  
Trăm loại nhảy múa mưu toan muốn dụ  
Nhưng tâm Bồ-tát đều chẳng nhiễm trước  
Quán ba chúng con như các cụ bà  
Rồi thành chính giác bậc thầy tất cả  
  
父phụ 王vương 彎loan 弓cung 作tác 恐khủng 怖bố 。  
諸chư 兵binh 器khí 仗trượng 帀táp 虗hư 空không 。  
菩Bồ 薩Tát 觀quán 如như 童đồng 子tử 戲hí 。  
一nhất 無vô 驚kinh 懼cụ 退thoái 敗bại 心tâm 。  
  
Cung tên của cha muốn làm khiếp sợ  
Ma binh vũ khí đầy khắp hư không  
Bồ-tát xem như trò chơi trẻ nít  
Chẳng chút hãi kinh tâm không thoái chuyển  
  
今kim 日nhật 道Đạo 成thành 為vi 法Pháp 王Vương 。  
唯duy 願nguyện 父phụ 王vương 息tức 惡ác 意ý 。  
  
Hôm nay thành Đạo làm bậc Pháp Vương  
Kính mong phụ vương ác ý hãy dừng"  
  
爾nhĩ 時thời 魔Ma 王vương 波Ba 旬Tuần 。 聞văn 女nữ 說thuyết 偈kệ 。 將tương 諸chư 眷quyến 屬thuộc 。 私tư 自tự 平bình 章chương 。   
Sau khi Ma vương Ác Giả nghe bài kệ từ ba con gái của mình xong, thiên ma chọn những binh sĩ anh dũng và nói với họ rằng:  
  
我ngã 當đương 與dữ 汝nhữ 。 同đồng 往vãng 佛Phật 所sở 。 善thiện 巧xảo 方phương 便tiện 。 而nhi 逡thuân 巡tuần 之chi 。 詐trá 受thọ 佛Phật 降hàng 。 令linh 佛Phật 信tín 用dụng 。 若nhược 得đắc 信tín 者giả 。 當đương 作tác 種chủng 種chủng 。 一nhất切thiết 魔ma 事sự 。 而nhi 障chướng 此thử 經Kinh 。   
"Ta và các ngươi sẽ cùng đi đến chỗ của Phật. Chúng ta giả vờ đầu hàng Phật, rồi sau đó dùng phương tiện khéo léo để làm cho Phật tin tưởng. Nếu được Phật tín nhiệm, chúng ta tha hồ mà làm việc của ma để cản trở Kinh này."  
  
即tức 與dữ 眷quyến 屬thuộc 。 同đồng 詣nghệ 佛Phật 所sở 。 遶nhiễu 佛Phật 七thất 帀táp 。 而nhi 白bạch 佛Phật 言ngôn 。   
Nói xong, ma vương liền dẫn quyến thuộc đồng đến chỗ của Phật, rồi đi nhiễu Đức Phật bảy vòng và bạch Phật rằng:  
  
世Thế 尊Tôn 說thuyết 法Pháp 。 無vô 疲bì 勞lao 耶da 。 我ngã 今kim 將tương 領lĩnh 。 諸chư 魔ma 眷quyến 屬thuộc 。 來lai 聽thính 長Trường 壽Thọ 命Mạng 經Kinh 。 為vi 佛Phật 弟đệ 子tử 。 唯duy 願nguyện 世Thế 尊Tôn 。 不bất 違vi 我ngã 願nguyện 。   
"Thế Tôn thuyết Pháp không mệt mỏi chứ? Con nay thống lĩnh chúng ma quyến thuộc để đến nghe Kinh Trường Thọ và chúng con muốn làm đệ tử của Phật. Cúi mong Thế Tôn hãy cho chúng con được mãn nguyện."  
  
爾nhĩ 時thời 世Thế 尊Tôn 。 呵ha 責trách 魔ma 王vương 。   
Lúc ấy Thế Tôn quở trách ma vương rằng:  
  
汝nhữ 在tại 本bổn 宮cung 。 心tâm 生sinh 忿phẫn 怒nộ 。 設thiết 得đắc 來lai 此thử 。 詐trá 作tác 逡thuân 巡tuần 。 我ngã 之chi法Pháp 中trung 。 不bất 容dung 汝nhữ 詐trá 。   
"Ông đã ở tại ma cung của mình sinh tâm phẫn nộ. Mưu kế của ông là giả vờ quy thuận, rồi thừa cơ làm ma sự. Ở trong Pháp của Ta không dung chứa việc dối trá của ông."  
  
時thời 魔ma 波Ba 旬Tuần 。 羞tu 媿quý 交giao 集tập 。 斂liểm 容dung 無vô 色sắc 。 而nhi 白bạch 佛Phật 言ngôn 。   
Khi ấy Ma vương Ác Giả cảm thấy hổ thẹn, rồi từ bỏ cái dáng điệu gian xảo mà bạch Đức Phật rằng:  
  
世Thế 尊Tôn 。 是thị 我ngã 愚ngu 計kế 。 實thật 行hành 詐trá 法pháp 。 唯duy 願nguyện 世Thế 尊Tôn 。 以dĩ 大đại 慈từ 悲bi 。 恕thứ 我ngã 愆khiên 犯phạm 。 我ngã 今kim 得đắc 聞văn 。 長Trường 壽Thọ 經Kinh 。 護Hộ 諸Chư 童Đồng 子Tử 陀Đà 羅La 尼Ni咒Chú 。   
"Bạch Thế Tôn! Mưu kế ngu si của con thật không thể che giấu được Ngài. Cầu mong Thế Tôn đại từ bi, xin hãy tha thứ lỗi lầm của con. Bây giờ con đã nghe được Kinh Trường Thọ Diệt Tội và Thần Chú Bảo Hộ Các Em Bé.  
  
我ngã 發phát 誓thệ 願nguyện 。   
Con xin phát thệ nguyện rằng:  
  
若nhược 後hậu 末mạt 世thế 。 有hữu 受thọ 持trì 此thử 經Kinh 。 書thư 寫tả 讀độc 誦tụng 。 所sở 在tại 之chi 處xứ 。 我ngã 當đương 擁ủng 護hộ 。 無vô 令linh 惡ác 鬼quỷ 。 伺tứ 求cầu 其kỳ 便tiện 。   
'Vào thời Mạt Pháp, nếu có ai thọ trì đọc tụng và biên chép Kinh này, thì ở nơi đó, con sẽ ủng hộ họ và không để ác quỷ có cơ hội gây hại.  
  
設thiết 使sử 地địa 獄ngục 。 若nhược 有hữu 罪tội 人nhân 。 須tu 臾du 之chi 閒gian 。 憶ức 念niệm 此thử 經Kinh 。 我ngã 當đương 以dĩ 大đại 神thần 力lực 。 取thủ 大đại 海hải 水thủy 。 灌quán 注chú 罪tội 人nhân 。 令linh 大đại 地địa 獄ngục 。 如như蓮liên 華hoa 池trì 。   
Giả như ở địa ngục, nếu có tội nhân nào tưởng nhớ đến Kinh này chỉ trong một thoáng thôi, thì con sẽ dùng sức đại uy thần để lấy nước của biển lớn mà xối vào người tội, và con cũng khiến cho đại địa ngục biến thành như ao hoa sen.'"

爾nhĩ 時thời 復phục 有hữu 。 飛phi 騰đằng 羅la 剎sát 。 食Thực 童Đồng 子Tử 羅La 剎Sát 等đẳng 。 而nhi 為vi 上thượng 首thủ 。 與dữ 其kỳ 同đồng 類loại 諸chư 眷quyến 屬thuộc 等đẳng 。 從tùng 空không 中trung 下hạ 。   
Lúc bấy giờ lại có chúng phi đằng quỷ bạo ác, với Quỷ Bạo Ác Ăn Thịt Con Nít và các vị khác như thế làm thủ lĩnh của họ, cùng với các hàng quyến thuộc đồng loại từ trên không bay xuống.  
  
遶nhiễu 佛Phật 千thiên 帀táp 。 白bạch 佛Phật 言ngôn 。   
Sau đó họ đi nhiễu Đức Phật nghìn vòng, rồi bạch Phật rằng:  
  
世Thế 尊Tôn 。 我ngã 於ư 無vô 量lượng 劫kiếp 來lai 。 受thọ 羅la 剎sát 身thân 。 我ngã 之chi 眷quyến 屬thuộc 。 如như 恆Hằng河Hà 沙sa 。   
"Bạch Thế Tôn! Chúng con đã thọ sinh làm thân quỷ bạo ác từ vô lượng kiếp đến nay. Quyến thuộc của chúng con thì nhiều như cát sông Hằng.  
  
各các 為vị 飢cơ 餓ngạ 。 之chi 所sở 逼bức 切thiết 。 於ư 四tứ 天thiên 下hạ 。 唯duy 噉đạm 在tại 胎thai 。 及cập 初sơ 生sinh 童đồng 子tử 血huyết 肉nhục 。 我ngã 等đẳng 眷quyến 屬thuộc 。 伺tứ 候hậu 一nhất 切thiết 眾chúng 生sinh 。 夫phu 婦phụ 交giao會hội 。 食thực 噉đạm 其kỳ 精tinh 。 令linh 無vô 胎thai 息tức 。   
Chúng con ai nấy đều phải bị đói khát giày vò. Ở khắp mọi nơi, chúng con chỉ ăn thai nhi và uống máu ăn thịt của các em bé sơ sinh. Quyến thuộc của chúng con luôn rình rập tất cả chúng sinh. Đợi đến lúc vợ chồng giao hợp, chúng con ăn tinh dịch của họ và khiến họ không thể có con.  
  
或hoặc 在tại 胎thai 中trung 。 我ngã 亦diệc 隨tùy 入nhập 。 傷thương 胎thai 食thực 血huyết 。   
Hoặc chúng con cũng theo vào trong thai nhi để gây hại và uống máu.  
  
初sơ 生sinh 七thất 日nhật 。 我ngã 等đẳng 專chuyên 伺tứ 其kỳ 便tiện 。 斷đoạn 其kỳ 命mạng 根căn 。 乃nãi 至chí 十thập 歲tuế。 我ngã 等đẳng 眷quyến 屬thuộc 。 變biến 作tác 種chủng 種chủng 。 諸chư 惡ác 毒độc 蟲trùng 。 入nhập 童đồng 子tử 胎thai。 食thực 其kỳ 五ngũ 臟tạng 。 所sở 有hữu 精tinh 血huyết 。 能năng 令linh 小tiểu 兒nhi 。 吐thổ 乳nhũ 下hạ 痢lỵ 。   
Hoặc trong vòng bảy ngày từ lúc em bé mới sinh, chúng con tìm cơ hội để đoạt mất tính mạng của nó. Dẫu cho là đứa bé đã đến mười tuổi, quyến thuộc của chúng con cũng có thể biến làm muôn loại trùng ác độc để vào trong bụng của em bé, rồi ăn nuốt ngũ tạng và tinh huyết của nó. Khi đó sẽ có thể khiến cho em bé buồn nôn sữa và mắc bệnh lỵ.  
  
或hoặc 疳cam 或hoặc 瘧ngược 。 眼nhãn 腫thũng 水thủy 腹phúc 。 乃nãi 至chí 漸tiệm 漸tiệm 。 斷đoạn 其kỳ 命mạng 根căn 。   
Hoặc làm chúng mắc bệnh đường ruột, bệnh sốt rét, mắt sưng húp, và bụng báng nước. Rồi dần dần chúng con sẽ đoạt mất mạng sống của nó.  
  
我ngã 等đẳng 今kim 聞văn 世Thế 尊Tôn 。 說thuyết 長Trường 壽Thọ 滅Diệt 罪Tội 護Hộ 諸Chư 童Đồng 子Tử 經Kinh 。 奉phụng世Thế 尊Tôn 敕sắc 。 令linh 我ngã 眷quyến 屬thuộc 。 飢cơ 餓ngạ 所sở 逼bức 。 不bất 敢cảm 食thực 噉đạm 。   
Nay chúng con đã nghe Phật giảng Kinh Trường Thọ Diệt Tội và Thần Chú Bảo Hộ Các Em Bé, chúng con sẽ phụng trì lời giáo sắc của Thế Tôn. Dẫu cho quyến thuộc của chúng con bị đói khát bức bách, thì chúng con cũng không bao giờ dám ăn thai nhi và uống máu ăn thịt của các em bé sơ sinh."  
  
佛Phật 告cáo 羅la 剎sát 。   
Phật bảo các vị quỷ bạo ác:  
  
汝nhữ 等đẳng 當đương 受thọ 我ngã 之chi 禁cấm 戒giới 。 令linh 汝nhữ 得đắc 捨xả 。 此thử 羅la 剎sát 身thân 。 生sinh 天thiên受thọ 樂lạc 。   
"Các ông nên thọ trì giới cấm của Ta. Như thế sẽ khiến các ông sau khi xả thân quỷ bạo ác này sẽ sinh lên trời để thọ hưởng vui sướng."  
  
佛Phật 告cáo 大đại 眾chúng 。   
Phật bảo đại chúng rằng:  
  
若nhược 有hữu 童đồng 子tử 。 受thọ 患hoạn 苦khổ 者giả 。 令linh 其kỳ 慈từ 母mẫu 。 分phân 乳nhũ 微vi 塵trần 。 與dữ 虗hư 空không 中trung 。 施thí 諸chư 羅la 剎sát 。 并tinh 清thanh 淨tịnh 受thọ 持trì 。 此thử 長Trường 壽Thọ 命Mạng 滅Diệt 罪Tội 陀Đà羅La 尼Ni 經Kinh 。 書thư 寫tả 讀độc 誦tụng 。 病bệnh 則tắc 除trừ 差sái 。   
"Nếu có em bé nào mắc bệnh ngặt nghèo, thì mẹ hiền của chúng nên lấy một ít sữa của mình rồi rưới lên không trung để bố thí cho chúng quỷ bạo ác. Lại với tâm thanh tịnh, người mẹ hãy thọ trì, biên chép, và đọc tụng Kinh Trường Thọ Diệt Tội và Thần Chú Bảo Hộ Các Em Bé này, thì bệnh của em bé sẽ liền tiêu trừ."  
  
時thời 羅la 剎sát 眾chúng 。 甚thậm 大đại 歡hoan 喜hỷ 。 而nhi 白bạch 佛Phật 言ngôn 。   
Khi ấy chúng quỷ bạo ác vui mừng vô cùng và bạch Đức Phật rằng:  
  
審thẩm 得đắc 生sinh 天thiên 。 我ngã 等đẳng 眷quyến 屬thuộc 。 終chung 不bất 能năng 侵xâm 。 諸chư 童đồng 子tử 乳nhũ 。 乍sạ 食thực 鐵thiết 丸hoàn 。 終chung 不bất 能năng 食thực 。 諸chư 童đồng 子tử 血huyết 。   
"Bạch Thế Tôn! Nếu chúng con có thể sinh lên trời thì quyến thuộc của chúng con sẽ không bao giờ xâm đoạt sữa của em bé. Dẫu cho là phải nuốt viên sắt, chúng con cũng không bao giờ uống máu con nít.  
  
於ư 佛Phật 滅diệt 後hậu 。 有hữu 能năng 讀độc 誦tụng 受thọ 持trì 。 此thử 經Kinh 處xứ 者giả 。 設thiết 有hữu 惡ác 人nhân 。 惱não 是thị 法Pháp 師sư 。 或hoặc 有hữu 惡ác 鬼quỷ 。 惱não 諸chư 童đồng 子tử 。 我ngã 等đẳng 當đương 執chấp 。 佛Phật 金kim 剛cang 杵xử 。 而nhi 衛vệ 護hộ 之chi 。 不bất 令linh 惡ác 鬼quỷ 。 而nhi 得đắc 其kỳ 便tiện 。   
Sau khi Phật diệt độ, nếu ai có thể đọc tụng và thọ trì Kinh này thì dẫu ở bất cứ nơi đâu, giả như có kẻ ác muốn não loạn vị Pháp sư này, hoặc có ác quỷ muốn não hại các em bé, chúng con sẽ cầm chày kim cang của Phật mà hộ vệ họ và không để cho ác quỷ thừa cơ hãm hại."

爾nhĩ 時thời 一nhất 切thiết 。 諸chư 天thiên 大đại 王vương 。 并tinh 其kỳ 眷quyến 屬thuộc 。 一nhất 切thiết 龍long 王vương 。 一nhất 切thiết 夜dạ 叉xoa 王vương 。 阿a 修tu 羅la 王vương 。 迦ca 樓lâu 羅la 王vương 。 緊khẩn 那na 羅la 王vương 。 摩ma 睺hầu 羅la 伽già 王vương 。 薜bệ 茘lệ 多đa 王vương 。 毗tỳ 舍xá 遮già 王vương 。 富phú 單đơn 那na 王vương 。 乃nãi 至chí 迦ca吒tra 富phú 單đơn 那na 等đẳng 。 一nhất 切thiết 諸chư 王vương 。 各các 并tinh 眷quyến 屬thuộc 。 禮lễ 拜bái 於ư 佛Phật 。   
Lúc bấy giờ tất cả chư thiên đại vương cùng quyến thuộc, tất cả vua rồng, tất cả chúa quỷ tiệp tật, chúa phi thiên, chúa kim sí điểu, chúa nghi thần, chúa đại mãng xà, chúa quỷ đói, chúa quỷ hút tinh khí, chúa quỷ xú uế, và cho đến chúa quỷ cực xú uế. Khi ấy, hết thảy chư vương cùng hàng quyến thuộc đều lễ bái Đức Phật.  
  
同đồng 心tâm 合hợp 掌chưởng 。 作tác 如như 是thị 言ngôn 。   
Sau đó, họ cùng chắp tay và nói lời như vầy:  
  
世Thế 尊Tôn 。 我ngã 等đẳng 從tùng 今kim 。 在tại 在tại 處xứ 處xứ 。 若nhược 有hữu 比Bỉ 丘Khâu 。 比Bỉ 丘Khâu 尼Ni 。 諸chư優Ưu 婆Bà 塞Tắc 。 優Ưu 婆Bà 夷Di 。 但đãn 有hữu 受thọ 持trì 。 此thử 長Trường 壽Thọ 經Kinh 。 書thư 寫tả 處xứ 者giả 。 我ngã 等đẳng 眷quyến 屬thuộc 。 常thường 當đương 衛vệ 護hộ 。   
"Bạch Thế Tôn! Kể từ bây giờ, ở bất cứ nơi đâu mà có những vị Khất Sĩ, Khất Sĩ Nữ, Thanh Tín Nam, hoặc Thanh Tín Nữ nào thọ trì hay biên chép Kinh Trường Thọ này, thì quyến thuộc của chúng con sẽ luôn hộ vệ người ấy.  
  
我ngã 等đẳng 諸chư 王vương 。 驅khu 策sách 惡ác 鬼quỷ 。 若nhược 有hữu 惡ác 鬼quỷ 。 惱não 諸chư 眾chúng 生sinh 。 令linh患hoạn 苦khổ 者giả 。 若nhược 能năng 清thanh 淨tịnh 。 書thư 持trì 是thị 經Kinh 。 我ngã 等đẳng 諸chư 王vương 。 禁cấm 攝nhiếp 諸chư 鬼quỷ 。 不bất 令linh 加gia 害hại 。 被bị 橫hoạnh 死tử 苦khổ 。   
Chư vương chúng con đây sẽ đuổi trừ tất cả ác quỷ. Giả như có chúng sinh nào bị ác quỷ não hại và khiến họ gặp hoạn nạn khổ bức, nếu họ có thể thanh tịnh thân tâm mà biên chép Kinh này, thì chư vương chúng con đây sẽ chế phục ác quỷ, khiến người ấy không bị chết oan và cũng không bị loài ác quỷ gây hại."

爾nhĩ 時thời 牢Lao 固Cố 地Địa 天Thiên 。 從tùng 座tòa 而nhi 起khởi 。 作tác 如như 是thị 言ngôn 。   
Lúc bấy giờ Kiên Lao Địa Thần từ chỗ ngồi đứng dậy và nói lời như vầy:  
  
世Thế 尊Tôn 。 若nhược 佛Phật 弟đệ 子tử 。 受thọ 持trì 此thử 長Trường 壽Thọ 滅Diệt 罪Tội 護Hộ 諸Chư 童Đồng 子Tử 經Kinh 者giả 。 我ngã 等đẳng 地địa 天thiên 。 常thường 出xuất 地địa 味vị 。 滋tư 潤nhuận 彼bỉ 人nhân 。 令linh 其kỳ 身thân 中trung 。 增tăng 益ích 壽thọ 命mạng 。   
"Bạch Thế Tôn! Nếu có đệ tử nào của Phật thọ trì Kinh Trường Thọ Diệt Tội và Thần Chú Bảo Hộ Các Em Bé này, thì địa thần chúng con sẽ làm cho đất đai của người đó luôn được phì nhiêu màu mỡ. Khi ăn thực vật trồng trên đó sẽ khiến họ tăng thêm thọ mạng.  
  
我ngã 等đẳng 常thường 以dĩ 。 種chủng 種chủng 金kim 銀ngân 。 種chủng 種chủng 資tư 生sinh 。 種chủng 種chủng 糓cốc 米mễ。 具cụ 足túc 供cung 給cấp 。 此thử 信tín 心tâm 人nhân 。 令linh 無vô 乏phạp 少thiểu 。 身thân 得đắc 安an 穩ổn 。 無vô 有hữu愁sầu 惱não 。 心tâm 常thường 歡hoan 喜hỷ 。 得đắc 好hảo 福phúc 田điền 。 無vô 令linh 惡ác 鬼quỷ 。 斷đoạn 其kỳ 命mạng 根căn 。   
Chúng con sẽ luôn dùng vô số vàng bạc, cùng đủ mọi tài vật, và muôn loại cốc mễ mà cung cấp đầy đủ cho người có tín tâm này. Như thế họ sẽ không bị thiếu hụt, cuộc sống an ổn, không có lo âu, tâm thường hoan hỷ, được phúc điền tốt lành, và sẽ không có ác quỷ đoạt mất mạng sống của họ.  
  
若nhược 諸chư 童đồng 子tử 。 生sinh 一nhất 七thất 日nhật 。 我ngã 等đẳng 地địa 神thần 。 當đương 擁ủng 護hộ 之chi 。 無vô令linh 斷đoạn 命mạng 。   
Nếu có em bé nào mới chào đời trong vòng bảy ngày, thì địa thần chúng con sẽ bảo hộ và không để chúng bị chết yểu."

爾nhĩ 時thời 眾chúng 中trung 。 金Kim 剛Cang 力Lực 士Sĩ 。 復phục 白bạch 佛Phật 言ngôn 。   
Lúc bấy giờ trong đại chúng, vị Kim Cang Lực Sĩ cũng bạch Đức Phật rằng:  
  
世Thế 尊Tôn 。 如Như 來Lai 說thuyết 此thử 長Trường 壽Thọ 命Mạng 滅Diệt 罪Tội 護Hộ 諸Chư 童Đồng 子Tử 陀Đà 羅La 尼Ni 咒Chú 經Kinh 已dĩ 。 諸chư 大đại 檀đàn 越việt 。 并tinh 眷quyến 屬thuộc 眾chúng 。 各các 各các 發phát 心tâm 。 護hộ 持trì 讀độc誦tụng 。 書thư 寫tả 是thị 經Kinh 。 供cung 給cấp 所sở 須tu 。 無vô 令linh 乏phạp 少thiểu 。   
"Bạch Thế Tôn! Sau khi Như Lai đã giảng Kinh Trường Thọ Diệt Tội và Thần Chú Bảo Hộ Các Em Bé này rồi, thì các vị đại thí chủ cùng hàng quyến thuộc đều nên phát tâm hộ trì, đọc tụng, và biên chép Kinh này. Họ cũng nên cúng dường đầy đủ và chớ để thiếu hụt.  
  
我ngã 聞văn 大Đại 德Đức 婆Bà 伽Già 婆Bà 。 說thuyết 吉Cát 祥Tường 章Chương 句Cú 。 大Đại 神Thần 力Lực 咒Chú 。 若nhược有hữu 眾chúng 生sinh 。 一nhất 聞văn 於ư 耳nhĩ 。 百bách 劫kiếp 千thiên 生sinh 。 終chung 不bất 短đoản 命mạng 。 得đắc 壽thọ 無vô 量lượng 。 無vô 有hữu 病bệnh 苦khổ 。 雖tuy 有hữu 四tứ 魔ma 。 不bất 能năng 忤ngỗ 亂loạn 。 增tăng 長trưởng 壽thọ命mạng 。 滿mãn 百bách 二nhị 十thập 。 不bất 老lão 不bất 死tử 。 不bất 退thoái 不bất 沒một 。   
Con đã từng nghe Đại Đức Thế Tôn tuyên thuyết Cát Tường Đại Thần Lực Chương Cú. Ngài bảo rằng, nếu có chúng sinh nào nghe qua thần chú này một lần thì ở suốt trăm nghìn đời họ sẽ không bao giờ bị đoản mạng. Họ sẽ được trường thọ và không mắc bệnh khổ. Tuy họ có bốn loại ma đang cư ngụ trong thân thể, nhưng chúng sẽ không thể ngang ngược lộng hành. Thần chú này giúp họ tăng trưởng thọ mạng. Họ có thể sống đến trọn 120 tuổi, hoặc không già không chết, và cho đến được quả vị không thoái chuyển.  
  
一nhất 切thiết 佛Phật 子tử 。 苦khổ 患hoạn 重trọng 病bệnh 。 聞văn 此thử 咒chú 者giả 。 即tức 免miễn 諸chư 鬼quỷ 。 之chi 所sở 奪đoạt 命mạng 。   
Nếu có đệ tử nào của Phật đang mắc bệnh hoạn trầm trọng mà nghe được thần chú này, thì sẽ liền thoát khỏi bị chúng ác quỷ đoạt mất tính mạng."  
  
即tức 說thuyết 咒chú 曰viết 。   
Chú thuyết như vầy:  
  
多đa 地địa 夜dạ 佗tha 。 旃chiên 達đạt 利lợi 。 旃chiên 達đạt 囉ra 毗tỳ 提đề 。 旃chiên 達đạt 囉ra 魔ma 。 吽hồng 。 旃chiên 達đạt 囉ra 跋bạt 帝đế 。 旃chiên 達đạt 囉ra 不bất 棃lê 。 旃chiên 達đạt 囉ra 闍xà 移di 。 旃chiên 達đạt 囉ra 底để 𠼝lê 。 旃chiên達đạt 吠phệ 咩mế 。 旃chiên 突đột 嘍lâu 。 旃chiên 達đạt 囉ra 婆bà 囉ra 吇tử 。 旃chiên 達đạt 囉ra 勿vật 達đạt 𠼝lê 。 旃chiên達đạt 囉ra 婆bà 地địa 移di 。 旃chiên 達đạt 囉ra 婆bà 咩mế 。 旃chiên 達đạt 囉ra 佉khư 祇kỳ 。 旃chiên 達đạt 囉ra 盧lô 寄ký 。 藪tẩu 婆bà 呵ha 。   
|| ta đi a tha, chân đờ ri, chân đờ ra - vi đe, chân đờ ra ma, hùm, chân đờ ra - qua te, chân đờ ra - bu re, chân đờ ra - cha de, chân đờ ra - ti re, chân đờ ra - vi me, chân đờ ra - đu ru, chân đờ ra - bờ ra be, chân đờ ra - u ta re, chân đờ ra - ba ti de, chân đờ ra - ba me, chân đờ ra - kha ghe, chân đờ ra lô ke, sờ qua ha ||  
|  
|| tadyātha, candri, candra-vide, candrama hūṃ, candravate, candra-pūre, candra-jaye, candra-tire, candra-vime, candra-dhuru, candra-prabhe, candra-uttare, candra-patīye, candra-bhāme, candra-khaḍge, candrāloke svāhā ||  
  
佛Phật 言ngôn 。   
Đức Phật bảo:  
  
善thiện 哉tai 善thiện 哉tai 。 金Kim 剛Cang 力Lực 士Sĩ 。 汝nhữ 今kim 能năng 說thuyết 。 此thử 護Hộ 諸Chư 童Đồng 子Tử 吉Cát祥Tường 神Thần 咒Chú 。 汝nhữ 當đương 為vì 一nhất 切thiết 眾chúng 生sinh 。 之chi 大đại 導đạo 師sư 。   
"Lành thay, lành thay, Kim Cang Lực Sĩ! Ông nay có thể tuyên thuyết Thần Chú Cát Tường để Bảo Hộ Các Em Bé này, thì ông sẽ sớm làm bậc đại đạo sư của tất cả chúng sinh.  
  
文Văn 殊Thù 當đương 知tri 。 如như 是thị 神thần 咒chú 。 過quá 去khứ 諸chư 佛Phật 。 之chi 所sở 宣tuyên 說thuyết 。 建kiến立lập 守thủ 護hộ 。 善thiện 能năng 增tăng 長trưởng 。 人nhân 天thiên 壽thọ 命mạng 。 能năng 除trừ 一nhất 切thiết 。 罪tội 垢cấu 惡ác 見kiến 。 能năng 護hộ 一nhất 切thiết 。 持trì 經Kinh 之chi 人nhân 。 延diên 其kỳ 壽thọ 命mạng 。   
Này Diệu Cát Tường! Nên biết rằng, chư Phật quá khứ đều tuyên thuyết thần chú như vậy. Nó có năng lực bảo hộ người tu hành, khéo có thể tăng trưởng thọ mạng cho hàng trời người, có thể diệt trừ hết thảy tội cấu ác kiến, và có thể hộ vệ tất cả người trì Kinh để họ tăng thêm thọ mạng."

爾nhĩ 時thời 世Thế 尊Tôn 。 告cáo 文Văn 殊Thù 師Sư 利Lợi 法Pháp 王Vương 之chi 子tử 。   
Lúc bấy giờ Thế Tôn bảo Diệu Cát Tường Pháp Vương Tử:  
  
我ngã 滅diệt 度độ 後hậu 。 濁trược 惡ác 世thế 時thời 。 若nhược 有hữu 比Bỉ 丘Khâu 。 破phá 我ngã 禁cấm 戒giới 。 親thân 比Bỉ丘Khâu 尼Ni 。 及cập 諸chư 處xử 女nữ 。 并tinh 二nhị 沙Sa 彌Di 。 飲ẩm 酒tửu 食thực 肉nhục 。 姦gian 婬dâm 熾sí 盛thịnh 。 為vị 諸chư 白bạch 衣y 。 之chi 所sở 輕khinh 賤tiện 。 毀hủy 滅diệt 我ngã 法Pháp 。 經kinh 營doanh 世thế 俗tục 。 不bất 淨tịnh之chi 事sự 。 無vô 慚tàm 愧quý 心tâm 。 猶do 如như 木mộc 頭đầu 。 當đương 知tri 此thử 等đẳng 。 是thị 五ngũ 逆nghịch 人nhân 。 非phi 我ngã 弟đệ 子tử 。 是thị 魔ma 眷quyến 屬thuộc 。 名danh 曰viết 六lục 師sư 。 此thử 比Bỉ 丘Khâu 等đẳng 。 於ư現hiện 世thế 中trung 。 得đắc 短đoản 命mạng 報báo 。 比Bỉ 丘Khâu 尼Ni 等đẳng 。 亦diệc 復phục 如như 是thị 。 若nhược 能năng 懺sám 悔hối 。 不bất 更cánh 復phục 作tác 。 受thọ 持trì 此thử 經Kinh 。 即tức 得đắc 長trường 壽thọ 。   
"Sau khi Ta diệt độ, trong đời ác năm trược, nếu có vị Khất Sĩ nào phá giới cấm của Ta, gần gũi Khất Sĩ Nữ cùng với các phụ nữ; hoặc cùng với Cần Sách Nam hay Cần Sách Nữ uống rượu ăn thịt, gian dâm hẫy hừng. Chính những kẻ này sẽ hủy diệt Pháp của Ta và làm cho hàng cư sĩ khinh rẻ. Chúng kinh doanh như người thế tục và làm những việc bất tịnh. Chúng không có lòng hổ thẹn và tâm như cái đầu gỗ. Phải biết hạng người này là những kẻ tạo năm tội ngỗ nghịch, không phải đệ tử của Ta, là quyến thuộc của ma, và chúng được gọi là lục sư ngoại đạo. Ở đời hiện tại, các vị Khất Sĩ đó sẽ mắc quả báo đoản mạng. Còn những vị Khất Sĩ Nữ nào như thế thì cũng sẽ mắc quả báo như vậy. Nhưng nếu họ có thể sám hối và không bao giờ tái phạm, cùng thọ trì Kinh này thì sẽ liền được trường thọ.

復phục 次thứ 文Văn 殊Thù 。 我ngã 滅diệt 度độ 後hậu 。 濁trược 惡ác 世thế 時thời 。 若nhược 有hữu 菩Bồ 薩Tát 。 誹phỉ 謗báng 佗tha 人nhân 。 自tự 讚tán 其kỳ 善thiện 。 方Phương 等Đẳng 經Kinh 典điển 。 不bất 傳truyền 付phó 人nhân 。 如như 是thị菩Bồ 薩Tát 。 是thị 魔ma 伴bạn 侶lữ 。 非phi 真chân 菩Bồ 薩Tát 。 若nhược 能năng 至chí 心tâm 。 受thọ 持trì 此thử 經Kinh 。 書thư 寫tả 讀độc 誦tụng 。 即tức 得đắc 諸chư 佛Phật 。 不bất 壞hoại 常thường 身thân 。   
Lại nữa, Diệu Cát Tường! Sau khi Ta diệt độ, trong đời ác năm trược, nếu có Bồ-tát nào phỉ báng người khác, rồi tự khen việc thiện của mình, hay không muốn chia sẻ và truyền dạy Phương Quảng Kinh điển cho người khác, Bồ-tát như thế chính là bạn lữ của ma, không phải là Bồ-tát chân thật. Nhưng nếu họ có thể chí tâm thọ trì Kinh này cùng biên chép đọc tụng, thì sẽ liền được thân kim cang bất hoại và thường hằng của chư Phật.

復phục 次thứ 文Văn 殊Thù 。 我ngã 滅diệt 度độ 後hậu 。 濁trược 惡ác 世thế 時thời 。 若nhược 有hữu 國quốc 王vương 。 殺sát父phụ 害hại 母mẫu 。 誅tru 斬trảm 六lục 親thân 。 不bất 依y 王vương 法pháp 。 廣quảng 興hưng 兵binh 甲giáp 。 侵xâm 討thảo佗tha 國quốc 。 忠trung 諫gián 之chi 臣thần 。 枉uổng 遭tao 刑hình 戮lục 。 婬dâm 欲dục 熾sí 盛thịnh 。 違vi 先tiên 王vương 法pháp 。 破phá 塔tháp 壞hoại 寺tự 。 焚phần 燒thiêu 經Kinh 像tượng 。 水thủy 旱hạn 不bất 調điều 。 因nhân 王vương 無vô 道đạo 。 國quốc 界giới 飢cơ 餓ngạ 。 疾tật 疫dịch 死tử 亡vong 。 如như 是thị 國quốc 王vương 。 現hiện 世thế 短đoản 命mạng 。 死tử 入nhập 地địa 獄ngục 。 墮đọa 大Đại 阿A 鼻Tị 。 若nhược 能năng 書thư 寫tả 是thị 經Kinh 。 流lưu 通thông 供cúng 養dường。 至chí 誠thành 懺sám 悔hối 。 依y 先tiên 王vương 法pháp 。 即tức 得đắc 長trường 命mạng 。   
Lại nữa, Diệu Cát Tường! Sau khi Ta diệt độ, trong đời ác năm trược, nếu có quốc vương nào giết hại cha mẹ, tru trảm lục thân, không y theo vương pháp, và khởi binh xâm chiếm nước khác; khi trung thần can gián thì liền bị giết, dâm dục hẫy hừng, đi ngược lại chính sách an dân của tiên đế; lại còn phá hủy tháp tự và thiêu đốt Kinh tượng. Do bởi quốc vương vô đạo như thế nên trong nước ấy sẽ có lũ lụt và hạn hán thất thường, dân chúng đói khát và mắc bệnh dịch nên phải tử vong. Ở đời hiện tại, quốc vương như thế sẽ bị đoản mạng. Khi chết sẽ đọa Đại địa ngục Vô Gián. Nhưng nếu họ có thể biên chép, lưu thông, và cúng dường Kinh này, cùng chí thành sám hối và làm theo chính sách an dân của tiên đế thì sẽ liền được trường thọ.

復phục 次thứ 文Văn 殊Thù 。 我ngã 滅diệt 度độ 後hậu 。 濁trược 惡ác 世thế 時thời 。 若nhược 有hữu 大đại 臣thần 。 及cập 諸chư 官quan 屬thuộc 。 身thân 請thỉnh 天thiên 祿lộc 。 無vô 慚tàm 愧quý 心tâm 。 諂siểm 佞nịnh 不bất 忠trung 。 專chuyên 行hành 矯kiểu 詐trá 。 賊tặc 臣thần 危nguy 害hại 。 國quốc 土thổ 不bất 安an 。 設thiết 使sử 臨lâm 人nhân 。 不bất 行hành 國quốc法pháp 。 侵xâm 剋khắc 百bá 姓tánh 。 恣tứ 意ý 貪tham 殘tàn 。 橫hoạnh 殺sát 無vô 辜cô 。 取thủ 佗tha 財tài 寶bảo 。 輕khinh慢mạn 經Kinh 典điển 。 魔ma 障chướng 大Đại 乘Thừa 。 如như 是thị 等đẳng 人nhân 。 現hiện 世thế 短đoản 命mạng 。 墮đọa阿A 鼻Tị 地Địa 獄Ngục 。 無vô 有hữu 出xuất 期kỳ 。 若nhược 能năng 懺sám 悔hối 。 受thọ 持trì 此thử 經Kinh 。 書thư 寫tả 讀độc 誦tụng 。 即tức 得đắc 長trường 命mạng 。 永vĩnh 守thủ 天thiên 祿lộc 。   
Lại nữa, Diệu Cát Tường! Sau khi Ta diệt độ, trong đời ác năm trược, nếu có đại thần cùng những quan thần nào thọ bổng lộc của vua mà không làm tròn chức vụ của mình; họ không có lòng hổ thẹn, nịnh hót bất trung, chuyên làm điều dối trá; họ là những tặc thần nguy hại, khiến cho đất nước bất an; giả như có người đến trình thưa thì họ không làm đúng theo quốc pháp, hà hiếp bá tính, phóng túng tham lam, giết hại kẻ vô tội, và cướp đoạt tài bảo của dân chúng; họ còn khinh mạn Kinh điển và làm chướng ngại sự truyền bá của Phật Pháp Đại Thừa. Ở đời hiện tại, những hạng người như thế sẽ bị đoản mạng. Khi chết sẽ đọa Địa ngục Vô Gián mà không có kỳ hạn thoát khỏi. Nhưng nếu họ có thể sám hối, biên chép đọc tụng, và thọ trì Kinh này thì sẽ liền được trường thọ và luôn mãi có bổng lộc.

復phục 次thứ 文Văn 殊Thù 。 我ngã 滅diệt 度độ 後hậu 。 濁trược 惡ác 世thế 時thời 。 有hữu 優Ưu 婆Bà 塞Tắc 。 及cập 優Ưu 婆Bà 夷Di 。 信tín 邪tà 倒đảo 見kiến 。 不bất 信tín 正Chính 法Pháp 。 大Đại 乘Thừa 經Kinh 典điển 。 如như 是thị 眾chúng 生sinh。 縱túng 有hữu 無vô 量lượng 。 百bách 千thiên 金kim 銀ngân 。 而nhi 懷hoài 慳san 惜tích 。 唯duy 求cầu 財tài 利lợi 。 不bất 能năng 布bố 施thí 。 救cứu 乏phạp 一nhất 切thiết 。 貧bần 苦khổ 之chi 者giả 。 不bất 能năng 書thư 寫tả 。 十Thập 二Nhị 部Bộ 經Kinh 。 受thọ 持trì 讀độc 誦tụng 。 求cầu 免miễn 無vô 常thường 。 惡ác 道đạo 之chi 苦khổ 。 如như 是thị 之chi 人nhân 。 宅trạch 舍xá 虗hư 耗hao 。 竈táo 下hạ 鳥điểu 現hiện 。 蛇xà 入nhập 臥ngọa 堂đường 。 狗cẩu 忽hốt 上thượng 舍xá 。 鼠thử 百bách 種chủng 鳴minh 。 諸chư 野dã 禽cầm 獸thú 。 競cạnh 來lai 入nhập 宅trạch 。 百bách 種chủng 魑si 魅mị 。 名danh 之chi 為vi 怪quái 。 以dĩ 見kiến 怪quái 故cố 。 心tâm 得đắc 煩phiền 惱não 。 因nhân 煩phiền 惱não 集tập 。 得đắc 獲hoạch 短đoản 命mạng 。 若nhược 能năng 受thọ 持trì 。 書thư 寫tả 是thị 經Kinh 。 流lưu 通thông 讀độc 誦tụng 。 即tức 能năng 摧tồi 破phá 。 如như 是thị 等đẳng 怪quái 。 而nhi 得đắc 長trường 命mạng 。   
Lại nữa, Diệu Cát Tường! Sau khi Ta diệt độ, trong đời ác năm trược sẽ có những Thanh Tín Nam, Thanh Tín Nữ tin theo tà kiến điên đảo, không tin Chính Pháp trong Kinh điển Đại Thừa. Các chúng sinh như thế, dẫu cho được sở hữu vô lượng trăm nghìn vàng bạc đi nữa thì vẫn ôm lòng bỏn xẻn. Họ chỉ tham cầu tiền tài danh lợi, không thể bố thí, hoặc tương cứu những ai nghèo khổ túng thiếu. Lại không thể biên chép, thọ trì, và đọc tụng 12 Bộ Kinh. Họ sẽ không bao giờ thoát ra khỏi khổ ách vô thường của đường ác. Những người như vậy, cảnh nhà sa sút: chim đỗ ở dưới bếp lò, rắn bò vào phòng, chó thình lình trèo lên nóc nhà, chuột kêu hàng trăm tiếng lạ khác nhau, các loài cầm thú hoang dã tranh nhau vào nhà, hoặc hàng trăm loại yêu tinh quỷ quái xuất hiện nơi cư trú. Bởi thấy những điều quái dị như thế nên trong lòng sinh phiền não. Do phiền não tích tập nên họ bị đoản mạng. Nhưng nếu họ có thể biên chép, thọ trì, lưu thông, và đọc tụng Kinh này thì sẽ liền có thể tồi phá các điều quái dị như thế và sẽ được trường thọ.

復phục 次thứ 文Văn 殊Thù 。 我ngã 滅diệt 度độ 後hậu 。 濁trược 惡ác 世thế 時thời 。 一nhất 切thiết 眾chúng 生sinh 。 男nam女nữ 成thành 就tựu 。 以dĩ 憐lân 愍mẫn 故cố 。 而nhi 得đắc 心tâm 病bệnh 。   
Lại nữa, Diệu Cát Tường! Sau khi Ta diệt độ, trong đời ác năm trược sẽ có các bậc làm cha mẹ, tuy con cái đã lớn khôn nhưng vẫn luôn thương nhớ và lo lắng. Thế nên họ sinh ra tâm bệnh.  
  
何hà 以dĩ 故cố 。 或hoặc 男nam 成thành 長trưởng 。 被bị 充sung 兵binh 役dịch 。 如như 是thị 王vương 法pháp 。 制chế 不bất由do 己kỷ 。 父phụ 母mẫu 念niệm 之chi 。 名danh 為vi 心tâm 病bệnh 。 或hoặc 女nữ 成thành 長trưởng 。 配phối 適thích 佗tha門môn 。 而nhi 被bị 輕khinh 賤tiện 。 違vi 夫phu 婦phụ 道đạo 。 父phụ 母mẫu 念niệm 之chi 。 名danh 為vi 心tâm 病bệnh 。 為vì 心tâm 病bệnh 故cố 。 愁sầu 憂ưu 苦khổ 惱não 。 愁sầu 惱não 病bệnh 集tập 。 現hiện 世thế 短đoản 命mạng 。 若nhược 能năng 書thư 寫tả 。 受thọ 持trì 此thử 經Kinh 。 得đắc 長trường 壽thọ 命mạng 。 以dĩ 經Kinh 力lực 故cố 。 姻nhân 親thân 和hòa順thuận 。 心tâm 病bệnh 消tiêu 除trừ 。   
Vì sao thế? Thí dụ như khi con trai trưởng thành và bị bắt đi quân dịch. Bởi là pháp luật của đất nước nên không thể làm gì hơn, vì thế mà cha mẹ lo âu. Đây gọi là tâm bệnh. Hoặc khi con gái khôn lớn và xuất giá theo chồng. Ở bên phía chồng, chúng bị người khinh khi, vợ chồng không hòa thuận, vì thế mà cha mẹ lo âu. Đây gọi là tâm bệnh. Do bởi tâm bệnh nên sinh ra ưu sầu khổ não. Do bởi bệnh tích tập từ ưu sầu khổ não nên hiện đời phải đoản mạng. Nhưng nếu họ có thể biên chép và thọ trì Kinh này thì sẽ được trường thọ. Do bởi uy lực của Kinh nên con cái của họ bình an, sống hòa thuận, và tâm bệnh của bản thân cũng được tiêu trừ.

復phục 次thứ 文Văn 殊Thù 。 我ngã 滅diệt 度độ 後hậu 。 濁trược 惡ác 世thế 時thời 。 一nhất 切thiết 眾chúng 生sinh 。 無vô 慈từ 悲bi 心tâm 。 殺sát 生sinh 害hại 命mạng 。 食thực 噉đạm 一nhất 切thiết 眾chúng 生sinh 。 十thập 種chủng 身thân 肉nhục 。   
Lại nữa, Diệu Cát Tường! Sau khi Ta diệt độ, trong đời ác năm trược sẽ có những chúng sinh không có một chút lòng từ bi. Chúng giết hại sinh mạng và ăn thịt của mọi loài chúng sinh, bao gồm 10 loại thịt [thịt người, thịt voi, thịt ngựa, thịt chó, thịt rắn, thịt sư tử, thịt hổ, thịt báo, thịt gấu, và thịt linh cẩu].  
  
文Văn 殊Thù 當đương 知tri 。 如như 殺sát 父phụ 母mẫu 。 如như 食thực 六lục 親thân 。 或hoặc 因nhân 殺sát 命mạng 。 而nhi復phục 傷thương 胎thai 。 為vì 是thị 事sự 故cố 。 現hiện 世thế 短đoản 命mạng 。 設thiết 使sử 夫phu 婦phụ 。 交giao 會hội 之chi時thời 。 被bị 惡ác 羅la 剎sát 。 食thực 噉đạm 其kỳ 胎thai 。 令linh 無vô 子tử 息tức 。 若nhược 能năng 書thư 寫tả 。 受thọ 持trì是thị 經Kinh 。 即tức 免miễn 斯tư 苦khổ 。   
Này Diệu Cát Tường! Nên biết rằng, việc đó thì cũng như là việc giết cha mẹ và ăn thịt lục thân. Hoặc do bởi sát sinh mà lại còn phá thai, nhân vì tạo nghiệp như thế nên hiện đời bị đoản mạng. Giả sử khi vợ chồng giao hợp, tinh dịch sẽ bị quỷ bạo ác ăn nuốt nên khiến họ không thể có con. Nhưng nếu họ có thể biên chép và thọ trì Kinh này thì sẽ liền thoát miễn khổ báo đó.

復phục 次thứ 文Văn 殊Thù 。 我ngã 滅diệt 度độ 後hậu 。 濁trược 惡ác 世thế 時thời 。 一nhất 切thiết 眾chúng 生sinh 。 不bất 知tri 宿túc 命mạng 。 暫tạm 得đắc 人nhân 身thân 。 謂vị 為vi 快khoái 樂lạc 。 更cánh 相tương 誹phỉ 謗báng 。 或hoặc 恃thị 權quyền 豪hào 。 種chủng 種chủng 惡ác 心tâm 。 規quy 佗tha 性tính 命mạng 。 不bất 信tín 經Kinh 典điển 。 我ngã 慢mạn 大Đại乘Thừa 。 如như 是thị 之chi 人nhân 。 現hiện 世thế 短đoản 命mạng 。 若nhược 能năng 至chí 心tâm 懺sám 悔hối 。 調điều 柔nhu 其kỳ 心tâm 。 書thư 寫tả 是thị 經Kinh 。 受thọ 持trì 讀độc 誦tụng 。 以dĩ 善thiện 根căn 力lực 。 得đắc 長trường 壽thọ 命mạng 。 設thiết 使sử 病bệnh 患hoạn 。 終chung 不bất 橫hoạnh 死tử 。   
Lại nữa, Diệu Cát Tường! Sau khi Ta diệt độ, trong đời ác năm trược sẽ có những chúng sinh không biết việc đời trước. Khi tạm được thân người thì chúng chỉ biết hưởng thụ khoái lạc. Thế nhưng chúng còn phỉ báng, hoặc cậy thế ỷ quyền và hăm dọa tính mạng người khác. Chúng dấy khởi muôn loại ác tâm, kiêu căng ngã mạn, và không tin Kinh điển Đại Thừa. Ở đời hiện tại, những hạng người như thế sẽ bị đoản mạng. Nhưng nếu họ có thể thành tâm sám hối, sửa đổi tâm tính, cùng biên chép đọc tụng và thọ trì Kinh này, thì do bởi năng lực từ thiện căn ấy mà họ được trường thọ. Giả như dẫu họ mắc bệnh hoạn đi nữa thì cũng không bao giờ bị chết một cách oan uổng.

復phục 次thứ 文Văn 殊Thù 。 我ngã 滅diệt 度độ 後hậu 。 濁trược 惡ác 世thế 時thời 。 一nhất 切thiết 眾chúng 生sinh 。 或hoặc奉phụng 王vương 敕sắc 。 或hoặc 父phụ 母mẫu 教giáo 。 而nhi 於ư 佗tha 國quốc 。 及cập 險hiểm 道đạo 處xứ 。 以dĩ 商thương為vi 業nghiệp 。 求cầu 諸chư 珍trân 寶bảo 。 為vì 財tài 利lợi 故cố 。 我ngã 慢mạn 貢cống 高cao 。 圍vi 棊kì 六lục 簙bác 。 摴sư蒱bồ 投đầu 壺hồ 。 親thân 近cận 婬dâm 女nữ 。 交giao 惡ác 知tri 識thức 。 不bất 用dụng 王vương 敕sắc 。 及cập 父phụ 母mẫu誡giới 。 嗜thị 酒tửu 耽đam 婬dâm 。 喪táng 身thân 殞vẫn 命mạng 。 設thiết 得đắc 財tài 寶bảo 。 為vì 酒tửu 迷mê 濁trược 。 不bất 知tri 道đạo 路lộ 。 通thông 塞tắc 之chi 處xứ 。 後hậu 被bị 諸chư 惡ác 賊tặc 。 劫kiếp 奪đoạt 其kỳ 財tài 。 因nhân 以dĩ 害hại命mạng 。 若nhược 能năng 書thư 寫tả 是thị 經Kinh 。 廣quảng 發phát 誓thệ 願nguyện 。 所sở 在tại 之chi 處xứ 。 惡ác 賊tặc 退thoái 散tán 。 生sinh 歡hoan 喜hỷ 心tâm 。 諸chư 惡ác 毒độc 獸thú 。 不bất 能năng 嬈nhiễu 害hại 。 身thân 心tâm 安an 穩ổn 。 多đa 獲hoạch 寶bảo 貨hóa 。 以dĩ 經Kinh 力lực 故cố 。 得đắc 長trường 壽thọ 命mạng 。   
Lại nữa, Diệu Cát Tường! Sau khi Ta diệt độ, trong đời ác năm trược sẽ có những chúng sinh thi hành sắc lệnh vua hoặc lời dạy bảo của cha mẹ mà đến nơi tha phương. Họ băng qua những con đường hiểm trở để buôn bán và đi tìm các trân bảo. Do vì tiền tài danh lợi, họ kiêu căng ngã mạn, chơi bời cờ bạc, gần gũi dâm nữ, và kết giao với kẻ xấu ác. Bởi không tuân theo sắc lệnh vua cùng lời căn dặn của cha mẹ, họ rượu chè đàng điếm nên khiến thân tàn mạng mất. Hoặc giả sử có được tài bảo đi nữa, nhưng do rượu làm tâm trí hôn mê nên họ không biết con đường nào dẫn đến chỗ an toàn. Cuối cùng là phải lạc vào hiểm lộ nên bị bọn ác tặc cướp đoạt tài bảo. Thế nên tính mạng cũng mất đi. Nhưng nếu họ có thể biên chép Kinh này và phát lời thệ nguyện quảng đại, thì dẫu ở bất cứ nơi đâu, ác tặc sẽ thoái lui và chúng sinh tâm hoan hỷ, các loài thú dữ sẽ không thể nhiễu hại, thân tâm an ổn, và có được nhiều tài bảo. Do bởi uy lực của Kinh mà họ được trường thọ.

復phục 次thứ 文Văn 殊Thù 。 我ngã 滅diệt 度độ 後hậu 。 濁trược 惡ác 世thế 時thời 。 一nhất 切thiết 眾chúng 生sinh 。 以dĩ 惡ác 業nghiệp 故cố 。 死tử 入nhập 地địa 獄ngục 。 從tùng 地địa 獄ngục 出xuất 。 得đắc 畜súc 生sinh 身thân 。 設thiết 得đắc 人nhân 形hình 。 六lục 根căn 不bất 具cụ 。 聾lung 盲manh 瘖âm 瘂á 。 癃lung 殘tàn 背bối 瘻lũ 。 受thọ 女nữ 人nhân 身thân 。 不bất 識thức 經Kinh 字tự 。 設thiết 是thị 男nam 子tử 。 為vi 惡ác 業nghiệp 故cố 。 癡si 愚ngu 暗ám 鈍độn 。 不bất 能năng 轉chuyển 讀độc 。 此thử 長Trường 壽Thọ 經Kinh 。 心tâm 生sinh 愁sầu 惱não 。 以dĩ 愁sầu 惱não 故cố 。 名danh 為vi 心tâm 病bệnh 。 以dĩ 心tâm 病bệnh 故cố 。 現hiện 世thế 短đoản 命mạng 。 若nhược 能năng 令linh 善Thiện 知Tri 識Thức 。 書thư 寫tả 是thị 經Kinh 。 自tự 取thủ 而nhi 轉chuyển 。 從tùng 初sơ 至chí 末mạt 。 一nhất 心tâm 頂đỉnh 戴đái 。 以dĩ 至chí 誠thành 故cố 。 功công 德đức 無vô 量lượng 。 如như 此thử 惡ác 業nghiệp 。 不bất 更cánh 復phục 受thọ 。 此thử 人nhân 現hiện 世thế 。 得đắc長trường 壽thọ 命mạng 。   
Lại nữa, Diệu Cát Tường! Sau khi Ta diệt độ, trong đời ác năm trược sẽ có những chúng sinh do vì gây tạo nghiệp ác nên khi chết phải đọa địa ngục. Khi từ địa ngục ra khỏi, họ sẽ sinh vào chốn bàng sinh. Giả như dẫu họ có được thân người đi nữa thì sáu căn cũng không hoàn chỉnh. Khi sinh ra thì bị mù điếc, câm ngọng, hoặc gù lưng. Nếu sinh làm thân nữ thì họ sẽ không hề biết đến văn tự trong Kinh điển. Giả như sinh làm thân người nam, nhưng do bởi nghiệp ác, họ ngu si ám độn và không thể chuyển đọc Kinh Trường Thọ này. Thế nên tâm họ sẽ khởi sinh ưu sầu khổ não. Do bởi có ưu sầu khổ não nên gọi là tâm bệnh. Do bởi có tâm bệnh nên hiện đời bị đoản mạng. Nhưng nếu họ có thể thỉnh cầu Thiện Tri Thức biên chép Kinh này, rồi đích thân truyền trao cho người khác, từ đầu đến cuối, họ một lòng tôn kính và đội mang Kinh này trên đỉnh đầu. Do bởi chí thành nên sẽ được vô lượng công đức. Họ sẽ không bao giờ còn thọ lại các nghiệp ác như trên. Ở hiện đời, người ấy sẽ được trường thọ.

復phục 次thứ 文Văn 殊Thù 。 我ngã 滅diệt 度độ 後hậu 。 濁trược 惡ác 世thế 時thời 。 若nhược 有hữu 眾chúng 生sinh 。 死tử 亡vong 之chi 後hậu 。 從tùng 一nhất 七thất 日nhật 。 乃nãi 至chí 七thất 七thất 日nhật 。 所sở 為vì 亡vong 者giả 。 建kiến 造tạo 諸chư 福phúc 。 功công 德đức 七thất 分phần 。 亡vong 者giả 所sở 得đắc 。 唯duy 獲hoạch 其kỳ 一nhất 。 若nhược 能năng 生sinh在tại 之chi 時thời 。 於ư 七thất 七thất 日nhật 。 停đình 止chỉ 家gia 事sự 。 書thư 寫tả 是thị 經Kinh 。 香hương 花hoa 供cúng 養dường 。 請thỉnh 佛Phật 迎nghênh 僧Tăng 。 設thiết 生sinh 七thất 齋trai 。 所sở 得đắc 功công 德đức 。 如như 恆Hằng 河Hà 沙sa 。 此thử 人nhân 現hiện 世thế 。 得đắc 長trường 壽thọ 命mạng 。 永vĩnh 離ly 三tam 塗đồ 。 諸chư 惡ác 道đạo 苦khổ 。 若nhược 已dĩ 亡vong 者giả 。 緣duyên 身thân 資tư 產sản 建kiến 福phúc 。 七thất 分phần 竝tịnh 獲hoạch 。   
Lại nữa, Diệu Cát Tường! Sau khi Ta diệt độ, trong đời ác năm trược, nếu có chúng sinh nào sau khi mạng chung, lại được hàng quyến thuộc vì người chết ấy mà tu tạo các phúc lành từ 7 ngày cho đến 49 ngày, thì trong bảy phần công đức, người chết chỉ được một phần. Nhưng nếu có thể trong 49 ngày ở lúc sinh thời, họ ngưng tất cả chuyện nhà để biên chép Kinh này, rồi cúng dường hương hoa, đỉnh lễ Phật, và thỉnh chư Tăng đến để thiết chay cúng dường bảy lần, thì công đức có được sẽ nhiều như cát sông Hằng. Ở đời hiện tại, người ấy sẽ được trường thọ và vĩnh viễn lìa xa khổ ách của ba đường ác. Còn nếu người ấy đã chết, người thân cốt nhục có thể mang tài sản của họ mà tu tạo phúc đức, thì người chết sẽ hưởng trọn bảy phần công đức.

復phục 次thứ 文Văn 殊Thù 。 我ngã 滅diệt 度độ 後hậu 。 濁trược 惡ác 世thế 時thời 。 一nhất 切thiết 眾chúng 生sinh 。 不bất 孝hiếu 五ngũ 逆nghịch 。 無vô 慈từ 悲bi 心tâm 。 而nhi 於ư 父phụ 母mẫu 。 無vô 恩ân 愛ái 情tình 。 而nhi 事sự 六lục 親thân 。 爾nhĩ 時thời 行Hành 道Đạo 天Thiên 王Vương 。 遶nhiễu 四tứ 天thiên 下hạ 。 種chủng 種chủng 音âm 樂nhạc 。 將tương 諸chư 眷quyến 屬thuộc 。 於ư 三tam 齋trai 月nguyệt 。 至chí 閻Diêm 浮Phù 提Đề 。 若nhược 有hữu 一nhất 切thiết 眾chúng 生sinh 。 橫hoành 被bị 諸chư 病bệnh 。 行Hành 道Đạo 天Thiên 王Vương 。 為vi 除trừ 惡ác 鬼quỷ 。 令linh 得đắc 除trừ 愈dũ 。 眾chúng 生sinh 不bất 孝hiếu 。 嫉tật 妒đố 造tạo 惡ác 。 行Hành 病Bệnh 鬼Quỷ 王Vương 。 即tức 以dĩ 惡ác 氣khí 。 噓hư 而nhi 病bệnh 之chi 。 令linh 得đắc 瘟ôn 疫dịch 。 一nhất 切thiết 重trọng 病bệnh 。 若nhược 熱nhiệt 若nhược 冷lãnh 。 虗hư 勞lao 下hạ 瘧ngược。 邪tà 魔ma 鬼quỷ 毒độc 。 及cập 惡ác 癩lại 病bệnh 。 若nhược 能năng 於ư 歲tuế 一nhất 日nhật 。 燒thiêu 香hương 散tán 花hoa 。 清thanh 淨tịnh 身thân 心tâm 。 書thư 寫tả 是thị 經Kinh 。 乃nãi 至chí 七thất 日nhật 。 請thỉnh 佛Phật 迎nghênh 僧Tăng。 清thanh 齋trai 讀độc 誦tụng 。 以dĩ 是thị 善thiện 根căn 。 終chung 無vô 疾tật 疫dịch 。 無vô 疾tật 疫dịch 故cố 。 得đắc 長trường 壽thọ 命mạng 。   
Lại nữa, Diệu Cát Tường! Sau khi Ta diệt độ, trong đời ác năm trược sẽ có những chúng sinh bất hiếu ngỗ nghịch. Đối với cha mẹ, chúng chẳng nhớ ơn nghĩa sinh thành. Còn đối với anh chị em, chúng vong ân phụ nghĩa. Lúc bấy giờ, khi Hành Đạo Thiên Vương đi tuần ở bốn châu thiên hạ, ngài trỗi muôn loại âm nhạc và dẫn hàng quyến thuộc đến châu Thắng Kim vào ba tháng chay [tháng Giêng, tháng Năm, và tháng Chín] của mỗi năm để làm lợi ích cho chúng sinh. Nếu có chúng sinh nào đang bị các chứng bệnh hành hạ, Hành Đạo Thiên Vương sẽ giúp đuổi trừ ác quỷ và khiến họ được lành bệnh. Nhưng nếu có chúng sinh nào bất hiếu, ganh tị, và tạo nghiệp ác, thì lúc bấy giờ Hành Bệnh Quỷ Vương liền thổi khí độc để họ mắc mọi chứng bệnh ôn dịch nguy kịch. Họ bị nóng, bị lạnh, hay bị sốt rét làm đuối sức, tà ma quỷ độc thừa cơ đột nhập, hoặc mắc phải bệnh hủi ngặt nghèo. Nhưng nếu họ có thể vào mùng một của tháng Giêng âm lịch mà thắp hương rải hoa cùng thanh tịnh thân tâm để biên chép Kinh này. Hoặc từ ngày đó cho đến bảy ngày, họ đỉnh lễ Phật, thỉnh chư Tăng đến cúng dường, ăn chay, trì giới thanh tịnh, và đọc tụng Kinh này, thì do bởi thiện căn ấy mà trọn đời họ sẽ không bao giờ mắc phải bệnh tật và ôn dịch. Do bởi không mắc phải bệnh tật và ôn dịch nên họ sẽ sống lâu.

復phục 次thứ 文Văn 殊Thù 。 我ngã 滅diệt 度độ 後hậu 。 濁trược 惡ác 世thế 時thời 。 眾chúng 生sinh 薄bạc 福phúc 。 其kỳ 劫kiếp 欲dục 盡tận 。 七thất 日nhật 竝tịnh 照chiếu 。 設thiết 無vô 七thất 日nhật 。 國quốc 王vương 無vô 道đạo 。 令linh 天thiên 炎diễm 旱hạn 。 大đại 地địa 所sở 有hữu 。 藥dược 木mộc 叢tùng 林lâm 。 一nhất 切thiết 百bách 穀cốc 。 甘cam 蔗giá 花hoa 菓quả 。 將tương 欲dục 枯khô 死tử 。 若nhược 有hữu 國quốc 王vương 。 一nhất 切thiết 眾chúng 生sinh 。 能năng 受thọ 持trì 讀độc 誦tụng 。 此thử 經Kinh 典điển 者giả 。 難Nan 陀Đà 龍Long 王Vương 。 及cập 婆Bà 難Nan 陀Đà 龍Long 王Vương 等đẳng 。 憐lân 愍mẫn 眾chúng 生sinh 。 從tùng 大đại 海hải 水thủy 。 降giáng 注chú 甘cam 雨vũ 。 一nhất 切thiết 叢tùng 林lâm 。 百bách穀cốc 艸thảo 木mộc 。 滋tư 榮vinh 眾chúng 生sinh 。 以dĩ 此thử 經Kinh 力lực 。 得đắc 長trường 壽thọ 命mạng 。   
Lại nữa, Diệu Cát Tường! Sau khi Ta diệt độ, trong đời ác năm trược sẽ có những chúng sinh phúc bạc. Khi kiếp sắp tận, lúc đó sẽ có bảy mặt trời đồng chiếu sáng. Dẫu cho không có bảy mặt trời đi nữa, nhưng nếu có quốc vương vô đạo nên sẽ khiến trời hạn hán. Tất cả mọi cỏ cây, rừng rậm, trăm loại hạt, cây mía, và hoa quả ở trên đất sẽ khô héo và chết đi. Trái lại, nếu có quốc vương nào vì hết thảy chúng sinh mà có thể thọ trì đọc tụng Kinh điển này, thì Hỷ Lạc Long Vương, Hiền Hỷ Long Vương, và các vị long vương khác sẽ thương xót chúng sinh. Rồi các vị vua rồng sẽ lấy nước từ biển lớn và giáng xuống những cơn mưa để thấm nhuần tất cả rừng rậm, trăm loại hạt, dược thảo, và cây cối; khi ấy chúng sinh vui mừng. Do bởi uy lực từ Kinh này nên mọi người sẽ được trường thọ.

復phục 次thứ 文Văn 殊Thù 。 我ngã 滅diệt 度độ 後hậu 。 濁trược 惡ác 世thế 時thời 。 一nhất 切thiết 眾chúng 生sinh 。 斗đẩu 秤xứng 欺khi 誑cuống 。 不bất 義nghĩa 得đắc 財tài 。 以dĩ 其kỳ 罪tội 業nghiệp 。 死tử 入nhập 地địa 獄ngục 。 從tùng 地địa 獄ngục出xuất 。 受thọ 畜súc 生sinh 身thân 。 所sở 謂vị 牛ngưu 驢lư 象tượng 馬mã 。 豬trư 狗cẩu 羊dương 等đẳng 。 一nhất 切thiết 禽cầm 獸thú 。 蟁văn 蝱manh 蝨sắt 蟻nghĩ 。 若nhược 有hữu 菩Bồ 薩Tát 摩Ma 訶Ha 薩Tát 。 以dĩ 慈từ 悲bi 心tâm 。 於ư 畜súc 生sinh 等đẳng 。 及cập 蝱manh 蟻nghĩ 前tiền 。 轉chuyển 讀độc 此thử 經Kinh 。 一nhất 聞văn 於ư 耳nhĩ 。 此thử 經Kinh 力lực 故cố 。 隨tùy 類loại 皆giai 解giải 。 此thử 等đẳng 畜súc 生sinh 。 捨xả 此thử 身thân 已dĩ 。 得đắc 生sinh 天thiên 樂lạc 。 若nhược有hữu 菩Bồ 薩Tát 。 無vô 慈từ 悲bi 心tâm 。 不bất 能năng 廣quảng 說thuyết 。 此thử 經Kinh 典điển 者giả 。 非phi 佛Phật 弟đệ子tử 。 是thị 魔ma 伴bạn 侶lữ 。   
Lại nữa, Diệu Cát Tường! Sau khi Ta diệt độ, trong đời ác năm trược sẽ có những chúng sinh buôn bán gian lận và kiếm tiền một cách bất nghĩa. Do bởi tạo nghiệp tội đó nên khi chết, họ sẽ đọa địa ngục. Khi từ địa ngục ra khỏi, họ sẽ sinh làm các loài động vật, như là: trâu, lừa, voi, ngựa, lợn, chó, dê, muỗi, nhặng, rận, kiến, cùng mọi loài cầm thú. Nếu có vị đại Bồ-tát nào với lòng từ bi mà chuyển đọc Kinh này ở trước những động vật ấy để khiến chúng nghe được một lần qua tai, thì do bởi uy lực của Kinh này nên tùy theo mỗi loài mà thảy đều giải thoát. Khi các loài động vật ấy xả bỏ thân đó rồi, chúng sẽ được sinh lên trời để thọ hưởng vui sướng. Nếu có Bồ-tát nào mà chẳng có lòng từ bi và không thể rộng thuyết giảng Kinh điển này, thì họ không phải là đệ tử của Phật, mà là bạn lữ của ma.

復phục 次thứ 文Văn 殊Thù 。 我ngã 滅diệt 度độ 後hậu 。 五ngũ 濁trược 世thế 時thời 。 一nhất 切thiết 眾chúng 生sinh 。 心tâm生sinh 欺khi 慢mạn 。 不bất 信tín 經Kinh 典điển 。 毀hủy 呰tử 我ngã 法Pháp 。 若nhược 有hữu 說thuyết 法Pháp 之chi 處xứ 。 無vô 心tâm 聽thính 學học 。 以dĩ 此thử 罪tội 業nghiệp 。 現hiện 世thế 短đoản 命mạng 。 墮đọa 諸chư 地địa 獄ngục 。 若nhược 有hữu 講giảng 說thuyết 。 此thử 長Trường 壽Thọ 經Kinh 處xứ 。 一nhất 切thiết 眾chúng 生sinh 。 能năng 往vãng 聽thính 者giả 。 或hoặc 能năng 勸khuyến 佗tha 。 分phân 坐tọa 與dữ 坐tọa 。 此thử 人nhân 是thị 佛Phật 棟đống 梁lương 。 得đắc 長trường 壽thọ 樂lạc 。 不bất 經kinh 惡ác 道đạo 。 轉chuyển 此thử 經Kinh 法Pháp 。 清thanh 淨tịnh 立lập 壇đàn 。 隨tùy 室thất 大đại 小tiểu。   
Lại nữa, Diệu Cát Tường! Sau khi Ta diệt độ, trong đời ác năm trược sẽ có những chúng sinh ngã mạn, không tin Kinh điển, và hủy báng Pháp của Ta. Hoặc giả sử có nơi giảng Pháp, chúng không có lòng muốn nghe hay muốn học. Do bởi tạo những nghiệp tội đó nên hiện đời bị đoản mạng và sau khi chết phải sa vào các địa ngục. Nhưng nếu có nơi nào thuyết giảng Kinh Trường Thọ này, và tất cả chúng sinh có thể đến nghe, hoặc họ có thể khuyên người khác đến nghe, hay san sẻ chỗ ngồi của mình cho người mới tới, thì người như vậy chính là hộ Pháp của Phật. Họ sẽ trường thọ và không rơi vào đường ác. Nếu ai muốn chuyển đọc Kinh Pháp này, họ có thể lập đàn thanh tịnh, lớn nhỏ tùy theo kích cỡ của căn phòng.

復phục 次thứ 文Văn 殊Thù 。 我ngã 滅diệt 度độ 後hậu 。 一nhất 切thiết 女nữ 人nhân 。 身thân 懷hoài 胎thai 娠thần 。 殺sát 一nhất 切thiết 命mạng 。 食thực 諸chư 鳥điểu 卵noãn 。 為vì 無vô 慈từ 愍mẫn 心tâm 。 現hiện 世thế 得đắc 短đoản 命mạng 報báo。 臨lâm 生sinh 產sản 難nan 。 以dĩ 產sản 難nan 故cố 。 能năng 斷đoạn 其kỳ 命mạng 。 或hoặc 是thị 怨oán 家gia 。 非phi 善Thiện 知Tri 識Thức 。 若nhược 能năng 廣quảng 發phát 誓thệ 願nguyện 。 書thư 寫tả 是thị 經Kinh 。 即tức 令linh 易dị 產sản 。 無vô 諸chư 烖tai 障chướng 。 子tử 母mẫu 安an 樂lạc 。 須tu 男nam 須tu 女nữ 。 隨tùy 願nguyện 得đắc 生sinh 。   
Lại nữa, Diệu Cát Tường! Sau khi Ta diệt độ, trong đời ác năm trược sẽ có những người nữ đang mang thai mà giết hại động vật để lấy ăn thịt, hoặc ăn các loại trứng chim. Bởi chẳng có một chút lòng từ mẫn nên ở đời hiện tại, họ sẽ mắc phải quả báo đoản mạng và quả báo sinh khó. Do bởi sinh khó nên họ có thể bị chết. Hoặc dẫu có sinh được đứa con này ra đi nữa, nhưng nó là oan gia trái chủ chứ không phải đứa con hiền đức. Nhưng nếu họ có thể phát thệ nguyện rộng lớn và biên chép Kinh này, thì sẽ liền sinh dễ dàng, không có các tai chướng, mẹ con đều an vui. Như muốn con trai hay con gái thì sẽ tùy theo ước nguyện mà được sinh cả."

爾nhĩ 時thời 世Thế 尊Tôn 。 告cáo 文Văn 殊Thù 師Sư 利Lợi 菩Bồ 薩Tát 。   
Lúc bấy giờ Thế Tôn bảo Diệu Cát Tường Bồ-tát:  
  
我ngã 今kim 說thuyết 此thử 長Trường 壽Thọ 滅Diệt 罪Tội 十Thập 二Nhị 因Nhân 緣Duyên 佛Phật 性Tính 經Kinh 時thời 。 過quá 去khứ 諸chư 佛Phật 之chi 所sở 共cộng 說thuyết 。 若nhược 有hữu 眾chúng 生sinh 。 受thọ 持trì 讀độc 誦tụng 。 多đa 獲hoạch 福phúc 利lợi 。 盡tận 其kỳ 壽thọ 命mạng 。 滿mãn 百bách 二nhị 十thập 。 臨lâm 捨xả 化hóa 時thời 。 不bất 被bị 風phong 刀đao 。 諸chư 一nhất 切thiết 苦khổ 。 以dĩ 佛Phật 性Tính 故cố 。 得đắc 金kim 剛cang 不bất 壞hoại 。 諸chư 佛Phật 常thường 身thân 。 湛trạm 然nhiên 清thanh 淨tịnh 。 念niệm 念niệm 堅kiên 固cố 。 常thường 有hữu 菩Bồ 薩Tát 。 一nhất 名danh 觀Quán 世Thế 音Âm 。 二nhị 名danh 大Đại 勢Thế 至Chí 。 椉thừa 五ngũ 色sắc 雲vân 。 六lục 牙nha 白bạch 象tượng 。 持trì 蓮liên 花hoa 臺đài 。 迎nghênh 念niệm 佛Phật 者giả 。 生sinh 不Bất 動Động 國Quốc 。 自tự 然nhiên 快khoái 樂lạc 。 不bất 經kinh 八bát 難nạn 。   
"Ta nay giảng Kinh Trường Thọ Diệt Tội và Mười Hai Nhân Duyên Phật Tính này, thì chư Phật quá khứ cũng đã đồng thuyết giảng. Nếu có chúng sinh nào thọ trì đọc tụng Kinh này, họ sẽ đạt được rất nhiều phúc lợi và có thể sống trọn đến 120 tuổi. Khi lâm chung, họ sẽ không bị đao bay cắt xẻo thân thể và cũng chẳng phải chịu hết thảy mọi khổ ách khác. Do bởi nghe Kinh Phật Tính nên họ sẽ được thân kim cang bất hoại và thường hằng của chư Phật. Thân ấy là trạm nhiên thanh tịnh, niệm niệm kiên cố. Khi họ sắp mạng chung thì sẽ có hai vị Bồ-tát xuất hiện. Vị thứ nhất tên là Quán Thế Âm. Vị thứ nhì tên là Đại Thế Chí. Hai vị Bồ-tát này sẽ cưỡi mây năm màu và ngồi trên lưng voi trắng sáu ngà. Các ngài mang theo đài hoa sen để tiếp dẫn người niệm Phật sinh về cõi nước Bất Động. Lúc đó, hành giả sẽ tự nhiên được an vui và sẽ không rơi vào tám nạn.  
  
文Văn 殊Thù 當đương 知tri 。 愚ngu 癡si 眾chúng 生sinh 。 不bất 覺giác 不bất 知tri 。 壽thọ 命mạng 短đoản 薄bạc 。 如như 石thạch 火hỏa 光quang 。 如như 水thủy 上thượng 泡bào 。 如như 電điện 光quang 出xuất 。   
Này Diệu Cát Tường! Nên biết rằng, tất cả những chúng sinh si mê đều chẳng hay chẳng biết gì về thọ mạng ngắn ngủi, mỏng manh của họ như cục đá cọ xát xẹt ra tia lửa, như bọt trên mặt nước, và như tia điện chớp.  
  
云vân 何hà 於ư 中trung 。 不bất 驚kinh 不bất 懼cụ 。 云vân 何hà 於ư 中trung 。 廣quảng 貪tham 財tài 利lợi 。 云vân 何hà 於ư中trung 。 耽đam 婬dâm 嗜thị 酒tửu 。 云vân 何hà 於ư 中trung 。 生sinh 嫉tật 妒đố 心tâm 。   
- Bởi thế mà họ ở trong đó chẳng kinh chẳng sợ.  
- Bởi thế mà họ ở trong đó tham lam tài lợi.  
- Bởi thế mà họ ở trong đó rượu chè đàng điếm.  
- Bởi thế mà họ ở trong đó sinh lòng đố kỵ.  
  
如như 此thử 生sinh 死tử 。 流lưu 浪lãng 大đại 海hải 。 唯duy 有hữu 諸chư 佛Phật 菩Bồ 薩Tát 。 能năng 到đáo 彼bỉ 岸ngạn 。 凡phàm 夫phu 眾chúng 生sinh 。 定định 當đương 淪luân 沒một 。 無vô 常thường 殺sát 鬼quỷ 。 來lai 無vô 時thời 節tiết 。 縱túng有hữu 無vô 量lượng 無vô 邊biên 。 金kim 銀ngân 財tài 寶bảo 。 情tình 求cầu 贖thục 命mạng 。 無vô 有hữu 是thị 處xứ 。   
Cho nên, họ cứ phải trôi dạt trên sóng biển lớn của sinh tử. Duy chỉ có chư Phật và Bồ-tát mới có thể qua bờ kia. Còn chúng sinh phàm phu thì chắc chắn phải bị trầm luân. Sát quỷ vô thường sẽ chợt đến bất kỳ. Dẫu cho có dùng vô lượng vô biên vàng bạc với tài bảo để cầu xin tha mạng thì cũng chỉ là vô ích.  
  
眾chúng 生sinh 當đương 知tri 。 須tu 觀quán 此thử 身thân 。 而nhi 生sinh 念niệm 言ngôn 。   
Chúng sinh nên biết và cần quán thân này mà khởi nghĩ như vầy:  
  
是thị 身thân 如như 四tứ 毒độc 蛇xà 。 常thường 為vị 無vô 量lượng 諸chư 蟲trùng 。 之chi 所sở 唼xiệp 食thực 。 是thị 身thân 臭xú 穢uế 。 貪tham 欲dục 獄ngục 縛phược 。 是thị 身thân 可khả 惡ác 。 猶do 如như 死tử 狗cẩu 。 是thị 身thân 不bất 淨tịnh 。 九cửu 孔khổng 常thường 流lưu 。 是thị 身thân 如như 城thành 。 羅la 剎sát 處xứ 內nội 。 是thị 身thân 不bất 久cửu 。 當đương 為vị烏ô 鵲thước 餓ngạ 狗cẩu 。 之chi 所sở 食thực 噉đạm 。 須tu 捨xả 穢uế 身thân 。 求cầu 菩Bồ 提Đề 心tâm 。   
'Thân này như bốn con rắn độc và luôn bị vô lượng loài trùng táp ăn. Thân này là xú uế, ham muốn dục lạc, trói buộc như lao ngục. Nó là thân đáng ghét và giống như con chó đã chết. Thân này bất tịnh và có chín lỗ luôn tiết ra đồ dơ bẩn. Thân này như thành trì để cho quỷ bạo ác ẩn náu. Thân này không bền lâu và sẽ bị quạ, diều hâu, và chó đói ăn thịt. Vì thế ta cần phải xả bỏ thân ô uế này và khởi tâm cầu Đạo.'  
  
當đương 觀quán 此thử 身thân 。 捨xả 命mạng 之chi 時thời 。 白bạch 汗hãn 流lưu 出xuất 。 兩lưỡng 手thủ 橫hoành 空không 。 楚sở 痛thống 難nan 忍nhẫn 。 命mạng 根căn 盡tận 時thời 。 一nhất 日nhật 二nhị 日nhật 。 至chí 于vu 五ngũ 日nhật 。 膨bành脹trướng 青thanh 瘀ứ 。 膿nùng 汗hãn 流lưu 出xuất 。 父phụ 母mẫu 妻thê 子tử 。 而nhi 不bất 喜hỷ 見kiến 。   
Hãy quán sát lúc thân này mất đi, mồ hôi trắng chảy ra, hai tay ngửa lên, đau đớn khó mà nhẫn cho đành. Khi mạng căn đã hoàn toàn dứt hẳn, từ một ngày, hai ngày, và cho đến năm ngày, thân xác trương sình với máu ứ xanh bầm, máu mủ xì ra. Thật gớm ghiếc đến ngay cả cha mẹ vợ con còn không dám nhìn.  
  
乃nãi 至chí 身thân 骨cốt 。 散tán 在tại 於ư 地địa 。 脚cước 骨cốt 異dị 處xứ 。 [骨\*專]thuần 骨cốt 。 髀bễ 骨cốt 。 腰yêu 骨cốt。 肋lặc 骨cốt 。 脊tích 骨cốt 。 頂đỉnh 骨cốt 。 髑độc 髏lâu 。 各các 各các 異dị 處xứ 。 身thân 肉nhục 腸tràng 胃vị 。 肝can 腎thận 肺phế 臟tạng 。 為vị 諸chư 蟲trùng 藪tẩu 。   
Dẫu cho thân này đã chôn xuống đất thì thịt và xương cũng đều phân tán. Như là xương đùi, xương vai, xương chày, xương hông, xương sườn, xương sống, xương sọ, và đầu lâu, thì mỗi thứ mỗi nơi. Còn thịt, ruột, dạ dày, tim, gan, phổi, thận, và lá lách thì bị các loài trùng làm ổ.  
  
云vân 何hà 於ư 中trung 。 橫hoạnh 生sinh 有hữu 我ngã 。 生sinh 存tồn 之chi 時thời 。 金kim 銀ngân 珍trân 寶bảo 。 錢tiền 財tài庫khố 藏tạng 。 何hà 關quan 我ngã 事sự 。   
Nếu quán sát như vậy thì làm gì có bản ngã ở đâu? Dẫu cho đương lúc còn sống đi nữa, thì vàng bạc, trân bảo, tiền tài, và kho tàng, chúng có liên quan gì với ta đâu?  
  
若nhược 有hữu 眾chúng 生sinh 。 須tu 免miễn 此thử 苦khổ 。 當đương 須tu 不bất 惜tích 。 國quốc 城thành 妻thê 子tử 。 頭đầu目mục 髓tủy 腦não 。 書thư 寫tả 是thị 經Kinh 。 受thọ 持trì 讀độc 誦tụng 。   
Nếu có chúng sinh nào muốn cầu thoát khỏi những thống khổ này, thì chớ đau tiếc quốc gia, thành trì, vợ con, và cho đến xả bỏ đầu mắt tủy não của họ để biên chép Kinh này cùng thọ trì đọc tụng.  
  
諸chư 佛Phật 祕bí 藏tạng 。 十Thập 二Nhị 因Nhân 緣Duyên 。 流lưu 通thông 供cúng 養dường 。 念niệm 念niệm 成thành 就tựu。 當đương 得đắc 三Tam 藐Miệu 三Tam 菩Bồ 提Đề 心tâm 。 難nan 可khả 沮trở 壞hoại 。 終chung 不bất 中trung 夭yểu 。 被bị 橫hoạnh 死tử 逼bức 。   
Mười Hai Nhân Duyên này là bí tạng của chư Phật. Nếu ai lưu thông cúng dường và niệm niệm tu hành, họ sẽ đắc Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác và không gì có thể chướng ngại hay phá hoại người ấy. Họ sẽ không bao giờ bị chết yểu hay bị chết đột ngột."

佛Phật 於ư 大đại 眾chúng 中trung 。 說thuyết 此thử 十Thập 二Nhị 因Nhân 緣Duyên 佛Phật 性Tính 法Pháp 時thời 。 一nhất 切thiết 大đại 會hội 。 比Bỉ 丘Khâu 。 比Bỉ 丘Khâu 尼Ni 。 優Ưu 婆Bà 塞Tắc 。 優Ưu 婆Bà 夷Di 。 天thiên 龍long 八bát 部bộ 。 人nhân 非phi 人nhân 等đẳng 。 波Ba 斯Tư 匿Nặc 王Vương 。 并tinh 其kỳ 眷quyến 屬thuộc 。 數số 如như 恆Hằng 沙sa 。 皆giai 得đắc 三Tam 藐Miệu 三Tam 菩Bồ 提Đề 心tâm 。 無Vô 生Sinh 法Pháp 忍Nhẫn 。 歎thán 未vị 曾tằng 有hữu 。 一nhất 心tâm 頂đỉnh禮lễ 。 歡hoan 喜hỷ 奉phụng 持trì 。   
Khi Phật ở giữa đại chúng thuyết Pháp Mười Hai Nhân Duyên Phật Tính này xong, hết thảy chúng hội--Khất Sĩ, Khất Sĩ Nữ, Thanh Tín Nam, Thanh Tín Nữ, thiên long bát bộ, người và phi nhân, cùng vua Thắng Quân với hàng quyến thuộc--số lượng đại chúng tham dự nhiều như cát sông Hằng, họ đều đắc Vô Sinh Pháp Nhẫn của Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác. Tất cả đều tán thán là việc chưa từng có. Sau đó, họ nhất tâm đỉnh lễ và hoan hỷ phụng hành.  
  
長Trường 壽Thọ 滅Diệt 罪Tội 護Hộ 諸Chư 童Đồng 子Tử 陀Đà 羅La 尼Ni 經Kinh   
Kinh Trường Thọ Diệt Tội và Thần Chú Bảo Hộ Các Em Bé

唐Đường 罽Kế 賓Tân 法Pháp 師sư 佛Phật 陀Đà 波Ba 利Lợi 譯dịch  
Dịch sang cổ văn: Pháp sư Giác Hộ ở Thế Kỷ 7  
Dịch sang tiếng Việt: Tại gia Bồ-tát giới Thanh tín nam Nguyên Thuận  
Phiên âm và chấm câu: Tại gia Bồ-tát giới Thanh tín nam Nguyên Thuận  
Phiên âm: 19/6/2012 ◊ Dịch nghĩa: 19/6/2012 ◊ Cập nhật: 3/10/2014

☸ Cách đọc âm tiếng Phạn

yojana: dô cha na  
Gautama: gâu ta ma